

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

ANNUAL REPORT 2025



CHUYỂN MÌNH |
BỀN VỮNG |

MỘT CÔNG TY CHỨNG KHOÁN HÀNG ĐẦU

THÔNG TIN CÔNG TY	008	2025 – CHUYỂN MÌNH BỀN VỮNG	014
TRIẾT LÝ KINH DOANH	010	THÔNG ĐIỆP CỦA CEO	018
HÀNH TRÌNH 02 THẬP KỶ	012		

MỘT MÔ HÌNH & CHIẾN LƯỢC TIÊN PHONG

CƠ CẤU TỔ CHỨC	022	MÔ HÌNH TIÊN PHONG	030
BAN LÃNH ĐẠO	024	CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	034

MỘT NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & QUẢN LÝ TÀI SẢN CHUYÊN NGHIỆP

VĨ MÔ NĂM 2025	040	BÁO CÁO CỦA BTGD	044
NGÀNH CHỨNG KHOÁN 2025	042	KẾ HOẠCH NĂM 2026	046

MỘT NỀN TẢNG QUẢN TRỊ & VẬN HÀNH VƯỢT TRỘI

BÁO CÁO CỦA HĐQT	054	CỔ PHIẾU OCBS	062
BÁO CÁO CỦA BKS	058		
QUẢN TRỊ RỦI RO	060		

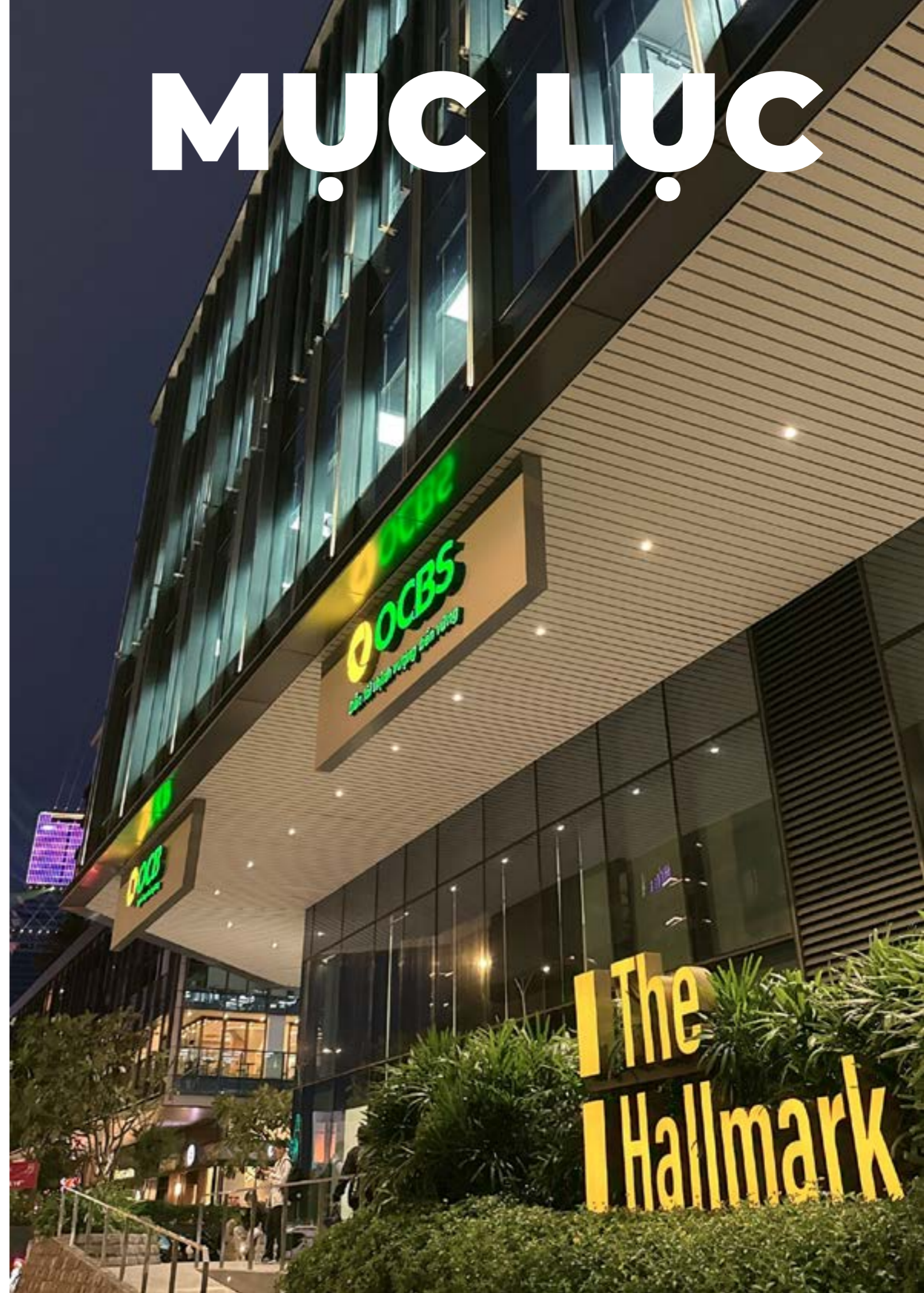
MỘT ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH XANH DẪN ĐẦU

TẦM NHÌN BỀN VỮNG	066	DẪN LỐI MÀU XANH THIÊN NHIÊN	074
DẪN DẮT HIỆU QUẢ KINH TẾ	070	DẪN LỐI THỊNH VƯỢNG BỀN VỮNG	076
DẪN BƯỚC SỰ NGHIỆP NHÂN	072		

MỘT KẾT QUẢ KINH DOANH BỨT PHÁ

BÁO CÁO CỦA BTGD	086	BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	100
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	096	BÁO CÁO DÒNG TIỀN	106
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	098	THUYẾT MINH BCTC	108

MỤC LỤC



CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

OCBS	Công ty cổ phần Chứng khoán OCBS	GDKQ	Giao dịch ký quỹ
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
HSX	Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM	TMCP	Thương Mại Cổ Phần
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	CNTT	Công nghệ thông tin
VSDC	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	GTGD	Giá trị giao dịch
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	ROE	Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu
HĐQT	Hội đồng quản trị	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
TGD	Tổng Giám Đốc	BHXH	Bảo hiểm xã hội
TTCKVN	Thị trường chứng khoán Việt Nam	BHYT	Bảo hiểm Y Tế
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	CPI	Chỉ số giá tiêu dùng



1 | MỘT CÔNG TY CHỨNG KHOÁN HÀNG ĐẦU

THÔNG TIN CÔNG TY	008
TRIẾT LÝ KINH DOANH	010
HÀNH TRÌNH 02 THẬP KỶ	012
2025 - CHUYỂN MÌNH BỀN VỮNG	014
THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	018





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS

TÊN TIẾNG ANH

OCBS Securities Joint Stock Company

TÊN GIAO DỊCH

OCBS

THÀNH LẬP

15/09/2014

MÃ SỐ THUẾ

0106665886

GIẤY PHÉP

Số 118/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp

VỐN ĐIỀU LỆ

1.200.000.000.000 VND

Một nghìn hai trăm tỷ Đồng Việt Nam

THÔNG TIN LIÊN HỆ

HỘI SỞ TẠI TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark

Số 15, Đường Trần Bạch Đằng, Phường An Khánh

Thành phố Hồ Chí Minh 70000, Việt Nam

Điện thoại: +84 28 7108 8848 | Fax: +84 28 3915 2931 | Website: ocbs.com.vn

OCBS HÀ NỘI

Tầng 8, Tòa nhà số 265, Đường Cầu Giấy,

Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội 10000, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 7108 8848 | Fax: +84 24 3944 5889



TRIẾT LÝ KINH DOANH

TÂM NHÌN

OCBS trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu cung cấp dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Quản lý Tài sản chuyên nghiệp, kết nối hiệu quả dòng vốn trong và ngoài nước, hướng tới sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho các khách hàng mục tiêu.

SỨ MỆNH

Với tiêu chí luôn đặt khách hàng làm trọng tâm, OCBS cam kết:

Đồng hành lâu dài, mang đến những giải pháp đầu tư hiệu quả, tối ưu hóa lợi nhuận bền vững.

Bảo vệ tài sản và quyền lợi của khách hàng với các tiêu chuẩn cao nhất trong mọi hoạt động.

Không ngừng nâng cao uy tín, tinh thần chính trực mang đến sự tin cậy và sự an tâm cho khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI - GAIN

GROWTH | PHÁT TRIỂN

Không ngừng phát triển, đổi mới thông qua việc thúc đẩy tinh thần học hỏi và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ, từ đó cung cấp các giải pháp tài chính hiệu quả, đáp ứng mọi nhu cầu đa dạng của khách hàng mục tiêu.

ACCOUNTABILITY | TRÁCH NHIỆM

Trách nhiệm, tận tâm và minh bạch trong mọi hoạt động, xây dựng môi trường làm việc tích cực và công bằng cho CBNV; cam kết lợi ích cao nhất cho đối tác, cổ đông và mang lại giá trị bền vững cho cả cộng đồng.

INTEGRITY | CHÍNH TRỰC

Chính trực là cốt lõi trong mọi hoạt động - từ lãnh đạo đến mỗi cá nhân - duy trì và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức cao nhất trong mọi hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

NEXUS | GẮN KẾT

Gắn kết, sẻ chia để thấu hiểu, tôn trọng và đồng hành cùng nhau, kết nối từng cá nhân thành một tập thể vững mạnh; đồng thời xây dựng mạng lưới quan hệ hợp tác bền vững với khách hàng, đối tác và cổ đông.



HÀNH TRÌNH 02 THẬP KỶ

2006

THÀNH LẬP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS) được thành lập. Hoạt động trong các mảng cốt lõi của thị trường: môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư, lưu ký và dịch vụ tài chính.

2006 – 2013

XÂY DỰNG NỀN MÓNG

Hoàn thiện bộ máy hoạt động, chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ. Mở rộng tệp khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Tăng cường năng lực phân tích thị trường và hệ thống giao dịch.

2014 – 2019

CỦNG CỐ THƯƠNG HIỆU & MỞ RỘNG QUY MÔ

Tăng vốn điều lệ qua nhiều giai đoạn nhằm nâng cao năng lực tài chính. Mở rộng danh mục dịch vụ, gia tăng trải nghiệm khách hàng. Hoàn thiện các tiêu chuẩn kiểm soát rủi ro để đáp ứng yêu cầu phát triển trung-dài hạn.

2020

ĐỔI TÊN & ĐÁNH DẤU GIAI ĐOẠN CHUYỂN MÌNH

VIS tái định vị thương hiệu, đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VISecurities – VIS). Cùng cố định hướng phát triển theo mô hình công ty chứng khoán hiện đại hóa.

2021 – 2023

TÁI CẤU TRÚC MẠNH MẼ & NÂNG CẤP HỆ THỐNG QUẢN TRỊ

Rà soát tổng thể toàn bộ hoạt động nghiệp vụ. Nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro, quy trình vận hành, báo cáo, tiêu chuẩn nhân sự theo yêu cầu mới của thị trường. Tập trung vào chuyển đổi số, chuẩn hóa dữ liệu và tối ưu nền tảng giao dịch. Mở rộng hội sở và cơ sở làm việc, tăng cường năng lực nhân sự khối kinh doanh.

2023

HỢP NHẤT NGUỒN LỰC & HOÀN THIỆN MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

VIS hợp nhất một phần hoạt động từ OSC, gia tăng năng lực tài chính – công nghệ – vận hành. Giai đoạn hợp nhất giúp củng cố nền tảng chiến lược cho hành trình mở rộng



2024

MỞ RỘNG HOẠT ĐỘNG & CHUẨN HÓA HỆ THỐNG TOÀN CÔNG TY

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức theo mô hình hiện đại (front – middle – back). Cải tiến quy trình phục vụ, đẩy mạnh tư vấn, đầu tư, môi giới khách hàng cá nhân và tổ chức. Hoàn thiện công nghệ giao dịch, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Di dời trụ sở chính và mở rộng văn phòng nhằm đáp ứng mô hình vận hành mới.

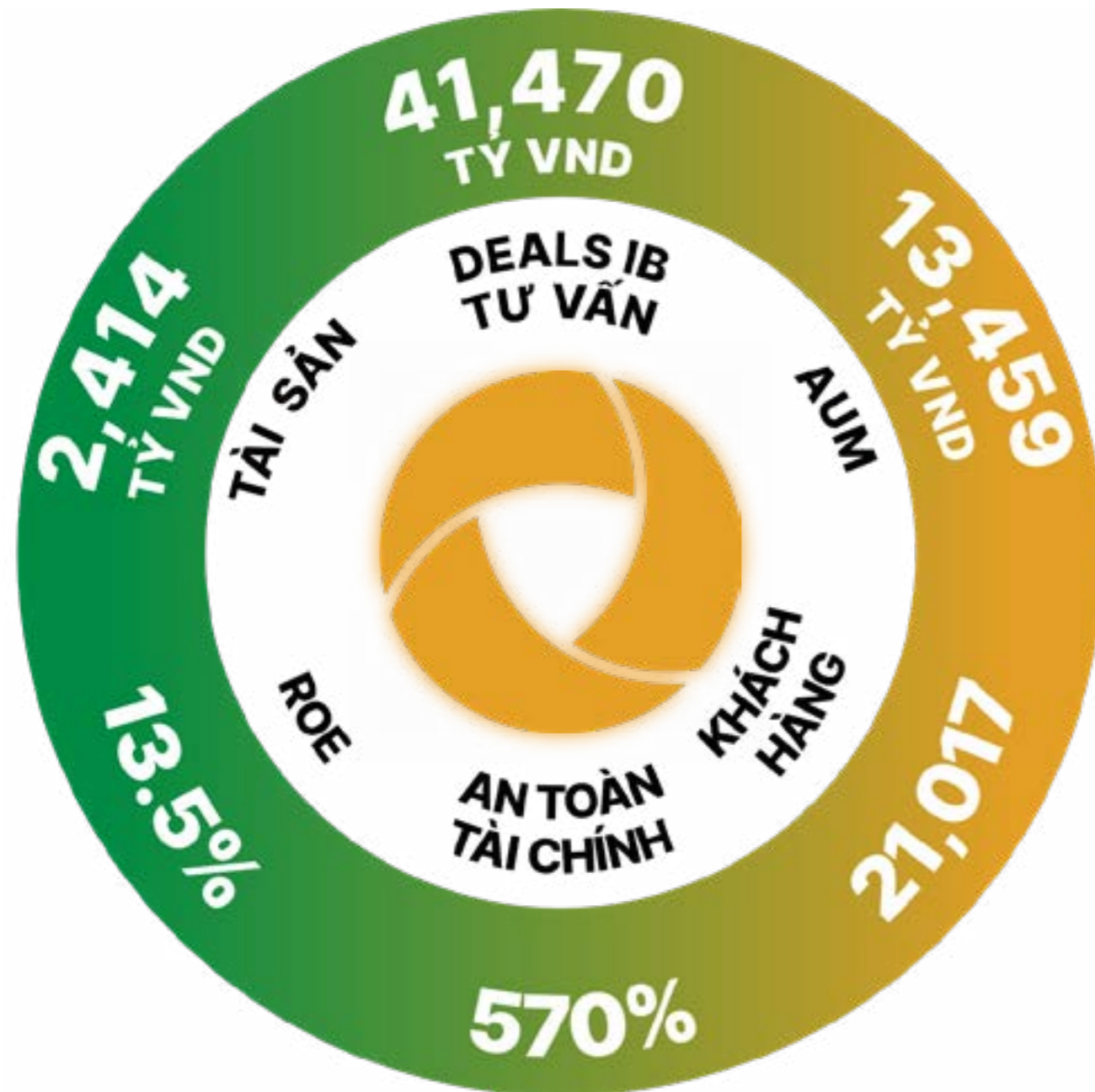
2025

BƯỚC NGOẶT CHIẾN LƯỢC: TRỞ THÀNH OCBS

VIS chính thức đổi tên thành OCBS – đánh dấu giai đoạn phát triển mới với định hướng trở thành một trong những công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường. Tái thiết toàn diện hình ảnh thương hiệu, dịch vụ và mô hình kinh doanh. Nâng tầm vị thế thông qua hợp tác chiến lược với nhiều doanh nghiệp uy tín: Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), Tập đoàn FPT, Tập đoàn HAGL, FiinGroup,... đầu tư công nghệ và chuẩn hóa hệ thống theo tiêu chuẩn quốc tế. Nâng vốn điều lệ lên 1200 tỷ đồng, tăng trưởng doanh thu top đầu thị trường.



2025 – CHUYỂN MÌNH BỀN VỮNG



SỰ KIỆN NỔI BẬT

ĐỔI TÊN THƯƠNG HIỆU TỪ VISECURITIES SANG OCBS

27/02/2025

Công ty chính thức đổi tên từ VISEcurities thành OCBS, tái định vị thương hiệu và chuyển trụ sở chính vào TP.HCM, gắn kết chặt hơn với hệ sinh thái Ngân hàng Phương Đông (OCB).

KÝ KẾT HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI NGÂN HÀNG PHƯƠNG ĐÔNG (OCB)

05/2025

OCBS và Ngân hàng Phương Đông (OCB) ký kết hợp tác chiến lược để phát triển mô hình ngân hàng – chứng khoán tích hợp và các giải pháp quản lý tài sản.

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 1.200 TỶ ĐỒNG

07/2025

OCBS hoàn tất đợt tăng vốn lớn từ 300 tỷ lên 1.200 tỷ đồng nhằm tăng năng lực tài chính, mở rộng margin, đầu tư tự doanh và phát triển công nghệ.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG

21/07/2025

Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cập nhật giấy phép hoạt động và thông tin thành viên lưu ký của OCBS sau khi tăng vốn và tái cấu trúc.

KẾT QUẢ KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG MẠNH

09/2025

OCBS ghi nhận doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng đột biến, tăng hơn 7.100% so với cùng kỳ, dẫn đầu thị trường về tốc độ tăng trưởng trong Quý III/2025 nhờ hoạt động tự doanh, môi giới và tư vấn tài chính.

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI TẬP ĐOÀN FPT

21/11/2025

OCBS ký kết hợp tác với Tập đoàn FPT nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái tài chính số ứng dụng AI và Big Data.

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC OCB – OCBS – HAGL

25/11/2025

OCBS và Ngân hàng Phương Đông (OCB), Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAGL) ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược, hướng tới mục tiêu thúc đẩy tài chính xanh và phát triển bền vững.

ĐHĐCĐ BẤT THƯỜNG THÔNG QUA KẾ HOẠCH TĂNG VỐN LÊN 3.200 TỶ

27/11/2025

Đại hội cổ đông bất thường OCBS thông qua kế hoạch phát hành 200 triệu cổ phiếu, nâng vốn điều lệ từ 1.200 tỷ lên 3.200 tỷ đồng.



2025 – CHUYỂN MÌNH BỀN VỮNG

CHỈ TIÊU	2025	2024	2023
KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,4	14,8	2,8
Hệ số thanh toán nhanh	2,4	14,8	2,8
CƠ CẤU NGUỒN VỐN			
Nợ vay tài chính / Vốn chủ sở hữu	40,5%	6,6%	34,8%
Nợ vay tài chính / Tổng tài sản	68,0%	7,1%	53,3%
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay tổng tài sản	0,2	0,1	0,1
KHẢ NĂNG SINH LỢI			
ROE	13,8%	3,4%	6,3%
ROA	5,3%	3,1%	4,0%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	45,9%	23,4%	32,5%
Lợi nhuận kinh doanh / Doanh thu thuần	50,6%	55,7%	64,6%





THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý vị,

Năm 2025 là một dấu mốc có nhiều ý nghĩa đối với OCBS. Đây không chỉ là năm chúng tôi ghi nhận sự cải thiện rõ nét về hiệu quả kinh doanh, mà quan trọng hơn, là năm OCBS từng bước định hình lại năng lực nội tại để bước vào giai đoạn phát triển mới với tinh thần bền vững hơn, kỷ luật hơn và thích ứng tốt hơn trước những thay đổi của thị trường. Thị

trường chứng khoán Việt Nam đang vận động theo chiều sâu hơn, chuyên nghiệp hơn và đòi hỏi cao hơn về chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị, kiểm soát rủi ro cũng như trải nghiệm khách hàng. Trong bối cảnh đó, OCBS lựa chọn cách tiếp cận tăng trưởng có chọn lọc: không chạy theo quy mô bằng mọi giá, mà ưu tiên xây dựng nền tảng đủ vững để tăng trưởng lâu dài. Với chúng tôi, **“chuyển mình bền vững” không chỉ là đổi mới mô hình hoạt động, mà còn là quá trình củng cố sức bền nội lực** để mỗi bước phát triển đều dựa trên một nền tảng lành mạnh và có trách nhiệm.

Trong năm qua, OCBS tập trung nâng cao chất lượng vận hành, chuẩn hóa quy trình và đầu tư cho công nghệ. Chúng tôi xem công nghệ là một năng lực nền tảng, không chỉ để tối ưu hiệu quả hoạt động mà còn để nâng cao chất lượng phục vụ và khả năng cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng. Việc OCBS thúc đẩy mô hình vận hành số, đồng thời hợp tác với FPT trong lĩnh vực AI và Big Data, phản ánh quyết tâm chuyển đổi từ tư duy công nghệ hỗ trợ sang tư duy công nghệ dẫn dắt tăng trưởng.

Bên cạnh đó, OCBS cũng tiếp tục mở rộng chiều sâu hợp tác để gia tăng năng lực phục vụ thị trường. Hợp tác chiến lược với OCB tạo thêm nền tảng cho mô hình Ngân hàng Đầu tư và Quản lý Tài sản; trong khi hợp tác với FiinGroup cho thấy định hướng tham gia sâu hơn vào các chuẩn mực minh bạch, xếp hạng tín nhiệm và tài chính xanh. Những bước đi này thể hiện lựa chọn nhất quán của chúng tôi: OCBS không chỉ cung cấp dịch vụ tài chính đơn lẻ, mà hướng tới vai trò đồng hành cùng khách hàng trong việc xây dựng các giải pháp vốn hiệu quả, minh bạch và có giá trị dài hạn hơn.

Trên toàn bộ hành trình đó, điều OCBS kiên định giữ vững là giá trị chính trực. Với tôi, chính trực không chỉ là nguyên tắc ứng xử, mà là chuẩn mực trong quản trị, trong cách đưa ra quyết định và trong cam kết với cổ đông, khách hàng, đối tác. Chúng tôi tin rằng tăng trưởng chỉ thực sự có ý nghĩa khi đi cùng với minh bạch, kỷ luật và trách nhiệm dài hạn. Đó cũng là nền tảng để xây dựng niềm tin - yếu tố cốt lõi đối với bất kỳ tổ chức tài chính nào muốn đi xa và đi vững. Tinh thần này phù hợp với sứ mệnh “Đ dẫn lối thịnh vượng bền vững”.

Bước sang chặng đường tiếp theo, chúng tôi hiểu rằng phía trước vẫn còn nhiều biến động. Tuy nhiên, với chiến lược rõ ràng, nền tảng ngày càng được củng cố và một đội ngũ sẵn sàng đổi mới, OCBS có cơ sở để tin tưởng vào năng lực phát triển bền vững trong dài hạn. Thay mặt Ban Lãnh đạo, tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý Nhà đầu tư, Quý Khách hàng, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên OCBS trong thời gian qua.

Chúng tôi tin rằng, khi được xây dựng trên nền tảng đúng đắn, mỗi bước chuyển mình hôm nay sẽ trở thành giá trị bền vững cho ngày mai.

Trân trọng.

NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



2

MỘT MÔ HÌNH & CHIẾN LƯỢC TIÊN PHONG

CƠ CẤU TỔ CHỨC & MÔ HÌNH QUẢN TRỊ	096
BAN LÃNH ĐẠO	102
MÔ HÌNH TIÊN PHONG	104
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN	000



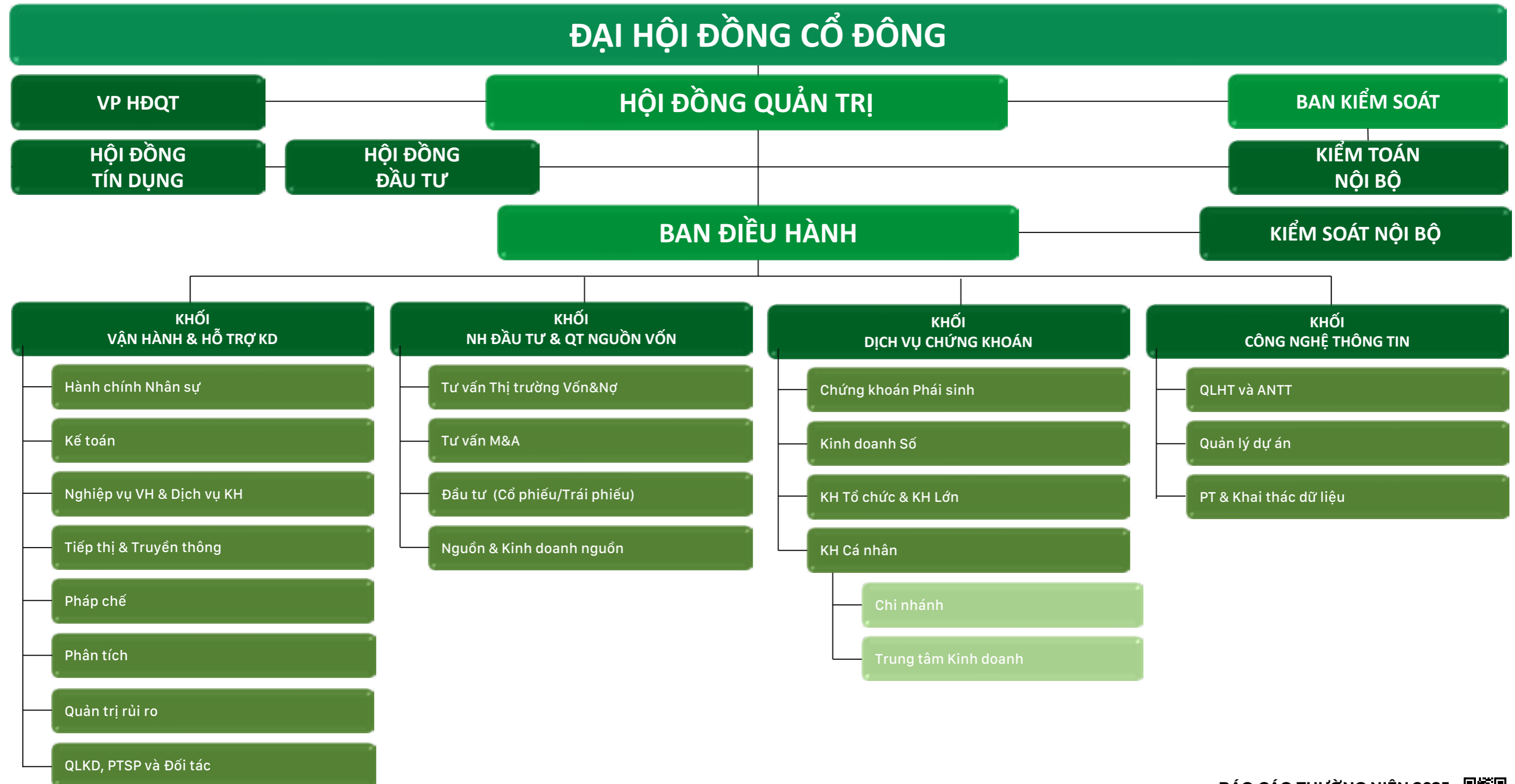
The
Hallmark



CƠ CẤU TỔ CHỨC & MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần được thành lập theo luật pháp Việt Nam, mô hình quản trị của OCBS được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển trong từng giai đoạn, đảm bảo nguyên tắc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm giữa các bộ phận, đồng thời tăng cường kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro. Bộ máy quản lý bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (nếu có) và Ban Điều hành. Các Khối/Phòng/Ban được tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị.



BAN LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông VÕ QUANG LONG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Võ Quang Long có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, đầu tư vốn, bất động sản và năng lượng tái tạo. Ông sở hữu thể mạnh chuyên môn sâu về quản lý tài sản, đầu tư chiến lược và phát triển thị trường vốn.

Hiện nay, Ông Long đang giữ chức vụ Tổng Giám đốc CTCP Hướng Việt Holdings – công ty mẹ của OCBS. Trước đó, Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí điều hành cấp cao tại các tổ chức tài chính uy tín, bao gồm Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), CT TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (DFVN) và CT TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC).



Ông ĐÀO DUY HẢI
Thành viên HĐQT

Ông Đào Duy Hải có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và ngân hàng đầu tư. Ông có chuyên môn sâu về phân tích tài chính, quản trị rủi ro và tư vấn đầu tư.

Hiện tại, Ông Hải đang đảm nhiệm vai trò Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Đầu tư tại Hướng Việt Holdings. Trước đó, Ông từng giữ nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức uy tín như Ngân hàng OCB, Chứng khoán TPS và Kiểm toán A&C,...



Ông NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại trang 88.



BAN LÃNH ĐẠO

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG
THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Đức Quân Tùng có gần 02 thập kỷ kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, kiểm toán. Với năng lực tư vấn vững chắc, kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong hoạt động ngân hàng đầu tư, ông đã điều phối và tư vấn thành công nhiều thương vụ quy mô lên đến hàng tỷ USD.

Trước khi gia nhập OCBS, ông Tùng đã đảm đương nhiều trọng trách như Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc tại CTCP Chứng Khoán LPBank (LPBS) và các vị trí quản lý cấp cao tại CTCP Chứng khoán VPBank (VPBankS), CTCP Chứng khoán VNDIRECT (VNDIRECT) và Ngân hàng OCB.



Bà HOÀNG THỊ TUYẾT HẠNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Hạnh đã có hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực tài chính, đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các định chế tài chính hàng đầu Việt Nam.

Trước khi đảm nhận vai trò lãnh đạo tại OCBS, Bà từng giữ nhiều vị trí điều hành cấp cao tại các tổ chức uy tín như Ngân hàng OCB, CT TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) và CT TNHH Chứng khoán Kỹ Thương Việt Nam (TCBS),...



BAN LÃNH ĐẠO

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ HÒA TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Hòa có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán – Kiểm toán, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Phòng Tài chính – Kế toán của các doanh nghiệp lớn như Công ty TNHH Phát triển Phú Mỹ Hưng (Phú Mỹ Hưng), Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW (BWID) và Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings (Hướng Việt Holdings).

Với kinh nghiệm chuyên sâu về tài chính – kế toán và kiểm soát nội bộ, bà trực tiếp giám sát, đánh giá việc tuân thủ pháp luật, tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động quản trị, qua đó góp phần nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp tại OCBS.

Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp chế, đã từng công tác tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB), Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) và Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

Bà đảm nhiệm vị trí Thành viên Ban Kiểm soát tại OCBS và trực tiếp giám sát, đánh giá việc thực hiện hoạt động kinh doanh, góp phần đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ và nâng cao hiệu quả quản trị tại OCBS.

Ông HOÀNG CÔNG MINH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Hoàng Công Minh có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Đầu tư, đã từng công tác tại nhiều vị trí liên quan đến hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp lớn như Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), Tập đoàn Novaland (NVL), Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings (Hướng Việt Holdings).

Với vai trò Thành viên Ban Kiểm soát tại OCBS, ông trực tiếp giám sát và đánh giá việc thực hiện hoạt động kinh doanh, góp phần đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ và nâng cao hiệu quả quản trị tại OCBS.



MÔ HÌNH KINH DOANH

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



QUẢN LÝ TÀI SẢN

DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG VỐN

- Tư vấn phát hành chứng khoán
- Tư vấn IPO & đại chúng hóa doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết
- Tư vấn cổ phần hóa
- Tư vấn bán đấu giá cổ phần

- Dịch vụ môi giới, giao dịch, lưu ký, thanh toán bù trừ & các sản phẩm / dịch vụ về chứng khoán cho khách hàng tổ chức & cá nhân
- Tư vấn đầu tư & quản lý gia sản

TƯ VẤN ĐẦU TƯ & QUẢN LÝ GIA SẢN

DỊCH VỤ THỊ TRƯỜNG NỢ

- Tư vấn phương án phát hành công cụ nợ
- Đại lý phát hành công cụ nợ
- Đại diện người sở hữu trái phiếu
- Bảo lãnh phát hành trái phiếu

- Theo dõi tình hình vĩ mô & thị trường tài chính toàn cầu
- Cung cấp các báo cáo phân tích định kỳ & chuyên sâu

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

TƯ VẤN MUA BÁN & SÁP NHẬP DOANH NGHIỆP

- Xây dựng chiến lược M&A doanh nghiệp
- Khảo sát, đánh giá & định giá doanh nghiệp
- Liên kết chiến lược & Tư vấn pháp lý / quản trị
- Tư vấn cấu trúc tài chính trước và sau M&A
- Thương thảo thỏa thuận M&A

- Tìm kiếm, duy trì & phân bổ nguồn vốn với chi phí tối ưu

QUẢN TRỊ NGUỒN VỐN

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

- Khảo sát & đánh giá tổng thể doanh nghiệp
- Tư vấn quản trị tài chính & kiểm soát nội bộ
- Tư vấn PR, IR doanh nghiệp
- Tư vấn hậu tái cấu trúc doanh nghiệp

- Đầu tư vào các tài sản tài chính an toàn, thanh khoản cao & tiềm năng lợi nhuận lớn

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



MÔ HÌNH KINH DOANH



BẤT ĐỘNG SẢN



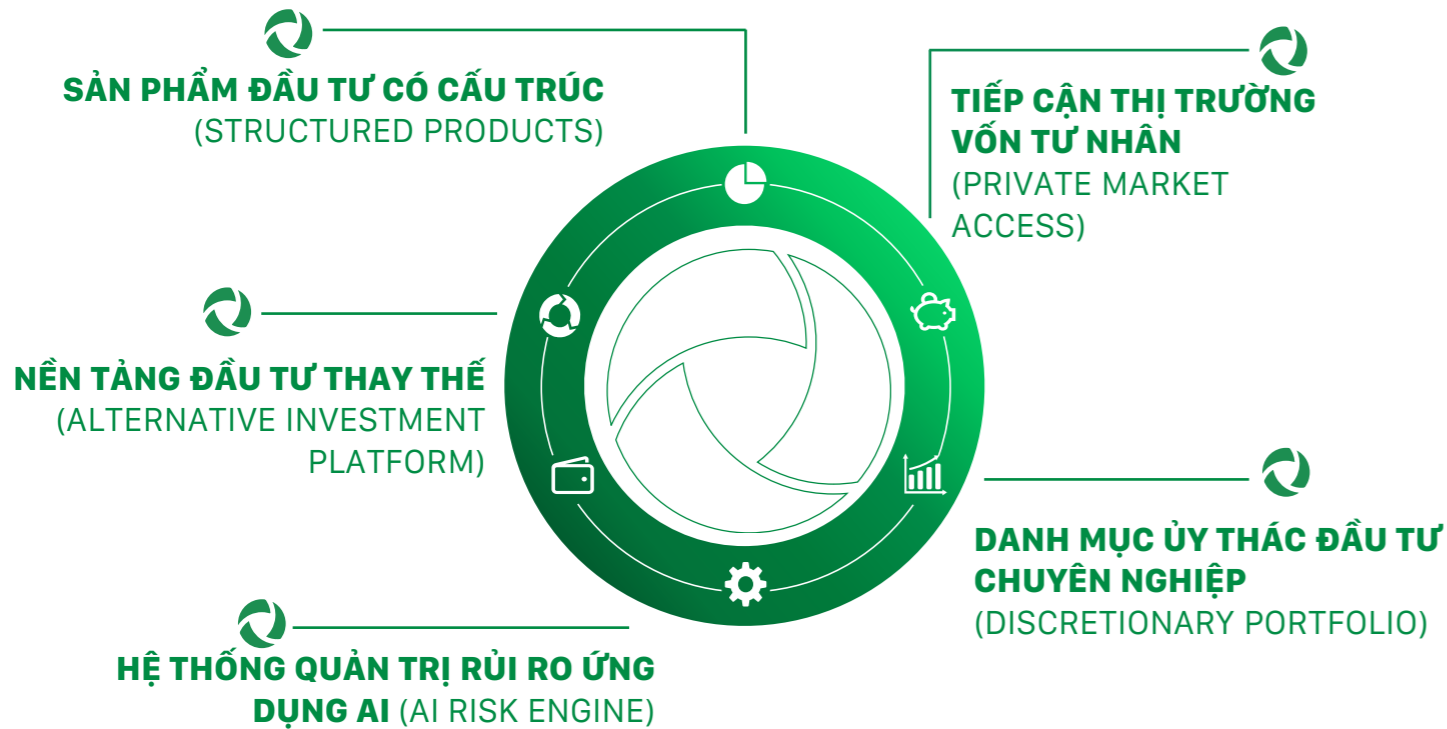
TÀI CHÍNH



KHÁC



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Trong năm 2026, Ban Tổng Giám đốc định hướng điều hành theo mục tiêu tăng trưởng bền vững, lấy hiệu quả sử dụng vốn, chất lượng tài sản, năng lực phục vụ khách hàng và chuẩn mực quản trị làm trọng tâm. Trên nền tảng năng lực tài chính được củng cố thông qua kế hoạch tăng vốn lên 2.700 tỷ, Công ty tập trung chuyển dịch từ mô hình kinh doanh truyền thống sang định chế tài chính thế hệ mới, ưu tiên phát triển các mảng hoạt động có giá trị gia tăng cao, đồng thời nâng chuẩn vận hành và trải nghiệm khách hàng.

Song hành với mục tiêu kinh doanh, OCBS cũng đặt trọng tâm vào việc củng cố năng lực quản trị rủi ro, đảm bảo tuân thủ, tăng tính minh bạch và từng bước tích hợp các nguyên tắc phát triển bền vững vào hoạt động điều hành và quản trị doanh nghiệp.

BA TRỤ CỘT CHIẾN LƯỢC 2026-2027

Phát triển năng lực Ngân hàng Đầu tư (Investment Banking) theo hướng chuyên nghiệp

OCBS định hướng nâng cao năng lực hoạt động Ngân hàng Đầu tư như một trụ cột tăng trưởng dài hạn, tập trung vào tư vấn huy động vốn, tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, tư vấn phát hành và các giao dịch chiến lược. Ban Tổng Giám đốc xác định đây là mảng hoạt động tạo dấu ấn năng lực chuyên môn, đồng thời góp phần nâng cao vị thế thương hiệu và chất lượng nguồn thu. Theo đó, Công ty sẽ hoàn thiện mô hình tổ chức, chuẩn hóa quy trình triển khai, phát triển đội ngũ nhân sự chuyên sâu và nâng cao năng lực cấu trúc giải pháp, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng doanh nghiệp.

Mở rộng mảng tư vấn và quản lý tài sản (Wealth Advisory) dựa trên trải nghiệm khách hàng và kỷ luật đầu tư

Trong bối cảnh nhu cầu đầu tư của khách hàng ngày càng hướng đến tính hệ thống, dài hạn và cá nhân hóa, OCBS định hướng phát triển mạnh mẽ mảng tư vấn và quản lý tài sản dựa trên triết lý đồng hành cùng khách hàng trong toàn bộ kế hoạch tài chính cá nhân. Trọng tâm là xây dựng năng lực tư vấn theo mục tiêu (goal-based), thiết kế danh mục phù hợp khẩu vị rủi ro và nhu cầu từng nhóm khách hàng, đồng thời mở rộng hệ sản phẩm – dịch vụ theo hướng tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và quản trị rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xác định việc nâng cấp trải nghiệm tư vấn, tăng chất lượng dịch vụ và duy trì quan hệ khách hàng bền vững sẽ là nền tảng để tăng trưởng ổn định, nâng cao hiệu quả kinh doanh và củng cố niềm tin thị trường.

Công nghệ là lõi vận hành, dữ liệu là năng lực cạnh tranh

OCBS xác định công nghệ không chỉ là công cụ hỗ trợ mà là trụ cột cốt lõi để nâng chuẩn vận hành và tạo khác biệt cạnh tranh. Trong năm 2026, Công ty sẽ ưu tiên đầu tư vào các năng lực số hóa quy trình, tự động hóa vận hành, tăng cường quản trị dữ liệu và ứng dụng dữ liệu trong cá nhân hóa trải nghiệm, phục vụ bán hàng, chăm sóc khách hàng và kiểm soát rủi ro. Mục tiêu là hình thành nền tảng vận hành số đồng bộ, giúp nâng cao năng suất, giảm lỗi vận hành, rút ngắn thời gian xử lý và cải thiện tính nhất quán trong cung cấp dịch vụ; đồng thời tạo nền tảng để mở rộng hệ sinh thái, gia tăng khả năng kết nối và phát triển sản phẩm/dịch vụ theo hướng hiện đại.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2026

TỐI ƯU NGUỒN LỰC VỐN VÀ NÂNG HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN

Trong năm 2026, Ban Tổng Giám đốc tập trung triển khai các chương trình tối ưu nguồn lực vốn theo hướng cân bằng giữa tăng trưởng và an toàn. Công ty ưu tiên phân bổ vốn cho các hoạt động có khả năng tạo giá trị bền vững, kiểm soát chặt chẽ hiệu quả theo từng mảng kinh doanh, đồng thời đảm bảo các ngưỡng an toàn tài chính và chất lượng tài sản. Cách tiếp cận điều hành hướng đến việc tăng trưởng có chọn lọc, quản trị biên lợi nhuận và tối ưu cấu trúc doanh thu – chi phí trên toàn hệ thống.

ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT HỆ SINH THÁI VÀ MỞ RỘNG HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC

OCBS tiếp tục thúc đẩy mô hình hợp tác trong hệ sinh thái, đặc biệt với đối tác ngân hàng và các đối tác chiến lược, nhằm gia tăng năng lực tiếp cận khách hàng, nâng hiệu quả phân phối và phát triển các giải pháp tài chính đồng bộ. Chương trình hành động tập trung vào chuẩn hóa cơ chế phối hợp, thiết kế hành trình khách hàng liền mạch và mở rộng điểm chạm dịch vụ, qua đó nâng cao chất lượng phục vụ và gia tăng mức độ gắn kết với khách hàng.

CHUẨN HÓA QUẢN TRỊ, NÂNG KỶ LUẬT VẬN HÀNH VÀ CƯỜNG CỐ NĂNG LỰC KIỂM SOÁT

Ban Tổng Giám đốc xác định việc nâng chuẩn quản trị và kỷ luật vận hành là điều kiện tiên quyết để tăng trưởng bền vững. Năm 2026, Công ty tập trung chuẩn hóa quy trình trọng yếu, tăng cường cơ chế giám sát hiệu quả theo chỉ tiêu quản trị, đồng thời nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro theo hướng phòng ngừa và chủ động. Việc triển khai các chuẩn mực vận hành và đo lường hiệu quả sẽ được thiết kế xuyên suốt từ cấp chiến lược đến thực thi, đảm bảo sự nhất quán trong quản trị và tối ưu hóa chất lượng tăng trưởng.

TÍCH HỢP ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀO ĐIỀU HÀNH

OCBS định hướng từng bước tích hợp các nguyên tắc phát triển bền vững vào hoạt động quản trị và vận hành, gắn tăng trưởng với trách nhiệm và minh bạch. Chương trình hành động tập trung vào việc nâng chuẩn quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và đạo đức nghề nghiệp; đồng thời thúc đẩy các thực hành vận hành có trách nhiệm, hướng đến hiệu quả



3 | MỘT NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & QUẢN LÝ TÀI SẢN CHUYÊN NGHIỆP

TÌNH HÌNH VĨ MÔ NĂM 2025	040
NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2025	042
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	044
KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026	046



TÌNH HÌNH VĨ MÔ 2025

Năm 2025 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng của kinh tế Việt Nam khi nền kinh tế không chỉ phục hồi mà chính thức bước vào chu kỳ tăng trưởng mới dựa trên chất lượng và hiệu quả. Vượt qua những biến động của kinh tế toàn cầu, Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng GDP đạt trên 8%, vượt xa mục tiêu 6,5–7% đề ra đầu năm, qua đó trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực. Quy mô GDP danh nghĩa lần đầu vượt mốc 500 tỷ USD, trong khi GDP bình quân đầu người tiệm cận 5.000 USD, phản ánh sự mở rộng rõ nét của tầng lớp trung lưu và sự chuyển dịch cơ cấu thu nhập của nền kinh tế.

Động lực tăng trưởng đến từ ba trụ cột chính: sản xuất công nghiệp phục hồi, xuất khẩu bứt phá và đầu tư công được giải ngân hiệu quả. Thương mại quốc tế thiết lập kỷ lục mới với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt 920 tỷ USD, tăng gần 17% so với năm trước, trong đó xuất khẩu đạt trên 470 tỷ USD, duy trì tăng trưởng hai con số. Việc duy trì xuất siêu hơn 21 tỷ USD góp phần quan trọng trong ổn định tỷ giá, tăng dự trữ ngoại hối và củng cố niềm tin của nhà đầu tư quốc tế, khẳng định vị thế ngày càng vững chắc của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Song song với tăng trưởng cao, ổn định vĩ mô tiếp tục được duy trì. Lạm phát (CPI) được kiểm soát dưới ngưỡng mục tiêu 4,5%, cho thấy hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ – tài khóa và khả năng cân bằng giữa tăng trưởng và ổn định giá cả. Việt Nam tiếp tục là điểm đến của FDI chất lượng cao, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ, AI, bán dẫn và năng lượng xanh, phản ánh xu hướng dịch chuyển chuỗi giá trị toàn cầu theo hướng bền vững và công nghệ cao.

Một điểm nhấn cấu trúc nổi bật của năm 2025 là bước tiến mạnh mẽ về hạ tầng. Trục cao tốc Bắc – Nam phía Đông cơ bản hoàn thiện, cùng hàng loạt dự án giao thông chiến lược được đưa vào khai thác, góp phần mở rộng không gian phát triển và giảm chi phí logistics cho nền kinh tế. Trong lĩnh vực hàng không, các dự án mở rộng Tân Sơn Nhất, Nội Bài và việc hoàn thiện các hạng mục trọng yếu của sân bay Long Thành tạo nền tảng cho năng lực kết nối trung – dài hạn. Hạ tầng đường biển và logistics khu vực Tây Nam cũng được đầu tư đồng bộ, hình thành trục kết nối đa phương thức giữa đường bộ – đường biển – hàng không.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chậm lại, với tăng trưởng GDP thế giới dự báo chỉ khoảng 2,6–2,7% vào 2026 dưới tác động của căng thẳng thương mại và chính sách thuế quan, triển vọng này có thể tác động tới cầu và dòng vốn FDI vào Việt Nam. Đồng thời, ngân hàng trung ương Việt Nam đã điều chỉnh chính sách tín dụng thận trọng, hạ mục tiêu tăng trưởng tín dụng để kiểm soát rủi ro tài chính và bất động sản nóng sốt — điều này có thể làm giảm bớt động lực tăng trưởng ngắn hạn nhưng hỗ trợ ổn định vĩ mô. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã xác định rõ các mục tiêu lớn cho phát triển kinh tế — xã hội, đặc biệt là

GDP và các chỉ số vĩ mô trọng yếu trong năm 2026 và giai đoạn tới: Mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 phấn đấu đạt 10% — mức rất cao so với nhiều năm gần đây, thể hiện tham vọng tái tạo “bước nhảy” trong tăng trưởng sau giai đoạn 2021-2025. Chính phủ đặt mục tiêu GDP bình quân đầu người đạt khoảng US\$5.400–5.500 vào cuối năm 2026, nâng cao mức sống trung bình. Mục tiêu đặt ra cho giai đoạn 2026–2030 là GDP phải tăng ít nhất 10% mỗi năm, tạo nền tảng cho phát triển bền vững và đưa Việt Nam vào nhóm các nền kinh tế năng động trong khu vực. Các mục tiêu khác trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn này còn bao gồm tăng năng suất lao động, nâng cao trình độ lao động, giảm nghèo, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số, xanh, bền vững (theo các văn kiện chỉ đạo vĩ mô, cơ sở cho các mục tiêu chi tiết).



NGÀNH CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng ấn tượng của VN-Index gần 41%, thuộc nhóm thị trường tăng mạnh nhất khu vực và thế giới. Chỉ số vượt qua nhiều vùng kháng cự lịch sử, liên tục xác lập đỉnh cao mới và chốt năm gần 1800 điểm, phản ánh xu hướng tăng dài hạn rõ nét của thị trường.

Đặc trưng cốt lõi của năm 2025 mang tính tập trung cao, chủ yếu được dẫn dắt bởi một số nhóm cổ phiếu trụ và cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi mặt bằng lợi nhuận của nhà đầu tư cá nhân lại phân hóa mạnh. Hiện tượng xanh Index - đỏ bảng điện xuất hiện thường xuyên, đặc biệt trong nửa cuối năm, khi chỉ số duy trì xu hướng đi lên nhờ sức mạnh của một vài bluechips chủ động trong khi phần còn lại của thị trường đi ngang hoặc suy giảm.

Dấu ấn nổi bật trong năm qua là thanh khoản thị trường bùng nổ, với nhiều phiên giao dịch đạt quy mô kỷ lục và mặt bằng thanh khoản cả năm tăng mạnh so với năm 2024, phản ánh sự quay trở lại rõ rệt của dòng tiền. Tuy nhiên, dòng tiền này không lan tỏa đều, mà mang tính chu kỳ và xoay trục nhanh giữa các nhóm ngành, từ tài chính – ngân hàng – chứng khoán, sang bất động sản, rồi dịch chuyển sang tiêu dùng, công nghệ, năng lượng.

Về cấu trúc thị trường, năm 2025 đánh dấu sự chuyển dịch từ thị trường đầu cơ diện rộng sang thị trường chọn lọc tài sản. Dòng tiền tập trung vào cổ phiếu có vốn hóa lớn, thanh khoản cao, thương hiệu mạnh và khả năng dẫn dắt chỉ số, trong khi phần lớn cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ không theo kịp nhịp tăng của thị trường chung.

Năm 2026 được kỳ vọng mở ra một chu kỳ phát triển mới của thị trường chứng khoán Việt Nam, với nền tảng vĩ mô thuận lợi, động lực tăng trưởng rõ ràng và sự nâng cấp về cấu trúc thị trường. Thị trường không chỉ tiếp tục xu hướng tăng trưởng, mà bước vào pha tăng trưởng có chiều sâu, dựa trên chất lượng dòng vốn, chất lượng doanh nghiệp và chất lượng thể chế.

Thứ nhất, nền tảng vĩ mô tăng tốc. Kỳ vọng GDP tăng trưởng tiệm cận 10% tạo ra môi trường thuận lợi hiếm có cho thị trường tài chính. Đây không chỉ là tăng trưởng chu kỳ, mà phản ánh sự hội tụ của đầu tư công, phục hồi tiêu dùng, mở rộng sản xuất và dòng vốn đầu tư nước ngoài. Khi tăng trưởng kinh tế bước vào pha “tăng tốc”, thị trường chứng khoán thường chuyển từ vai trò phản ánh kỳ vọng sang vai trò kênh dẫn vốn trung tâm của nền kinh tế.

Thứ hai, đầu tư công mở rộng đóng vai trò “động cơ dẫn dắt”. Quy mô đầu tư công tiếp tục gia tăng mạnh, tập trung vào hạ tầng giao thông, logistics, năng lượng, đô thị hóa và chuyển đổi số. Điều này tạo ra hiệu ứng lan tỏa đa tầng: kích thích tổng cầu, thúc đẩy sản xuất, mở rộng chuỗi cung ứng nội địa và hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp hưởng lợi trực tiếp – gián tiếp. Trong bối cảnh đó, thị trường chứng khoán không chỉ phản ánh tăng trưởng, mà trở thành cấu phần của chiến lược phát triển hạ tầng quốc gia.

Thứ ba, kỳ vọng nâng hạng thị trường – chuyển hóa dòng vốn. Kỳ vọng nâng hạng thị trường từ cận biên lên mới nổi tạo ra bước ngoặt về chất lượng dòng vốn. Nếu được hiện thực hóa, thị trường sẽ tiếp nhận dòng vốn dài hạn, ổn định, có tính cấu trúc từ các quỹ đầu tư toàn cầu, thay vì dòng vốn ngắn hạn mang tính chu kỳ. Điều này làm thay đổi bản chất thị trường: từ thị trường giao dịch sang thị trường phân bổ vốn, từ biến động sang ổn định. Thứ tư, làn sóng niêm yết doanh nghiệp lớn – nâng cấp cấu trúc thị trường. Việc nhiều doanh nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp đầu ngành và doanh nghiệp tư nhân chiến lược dự kiến niêm yết sẽ làm thay đổi mặt bằng chất lượng hàng hóa trên thị trường. Quy mô vốn hóa, độ sâu thị trường và khả năng hấp thụ dòng vốn lớn được cải thiện rõ rệt, giúp thị trường tiệm cận chuẩn mực khu vực và quốc tế. Đây là điều kiện cần để hình thành thị trường vốn trưởng thành.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng trưởng
1	Tổng Doanh thu	58.784	277.255	372%
2	Tổng Chi phí	41.910	138.413	230%
3	Lợi nhuận trước thuế	16.874	138.842	723%
4	Lợi nhuận sau thuế	13.733	127.361	827%

Hoạt động kinh doanh năm 2025 của OCBS ghi nhận tăng trưởng đột phá so với năm 2024 ở hầu hết các chỉ tiêu quan trọng. Tổng doanh thu Công ty đạt 278 tỷ đồng, tăng 372% so với năm 2024. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này đến từ việc đẩy mạnh hoạt động ngân hàng đầu tư, cho vay ký quỹ, gia tăng hiệu quả tự doanh và cải thiện năng lực khai thác khách hàng.

Tổng chi phí năm 2025 ở mức 138 tỷ đồng, tăng 230% so với năm trước, chủ yếu do chi phí lãi vay, chi phí hoạt động và chi phí mở rộng hệ thống tăng theo quy mô kinh doanh. Tuy nhiên, tốc độ tăng chi phí thấp hơn đáng kể so với tốc độ tăng doanh thu, cho thấy hiệu quả quản trị chi phí được cải thiện rõ rệt.

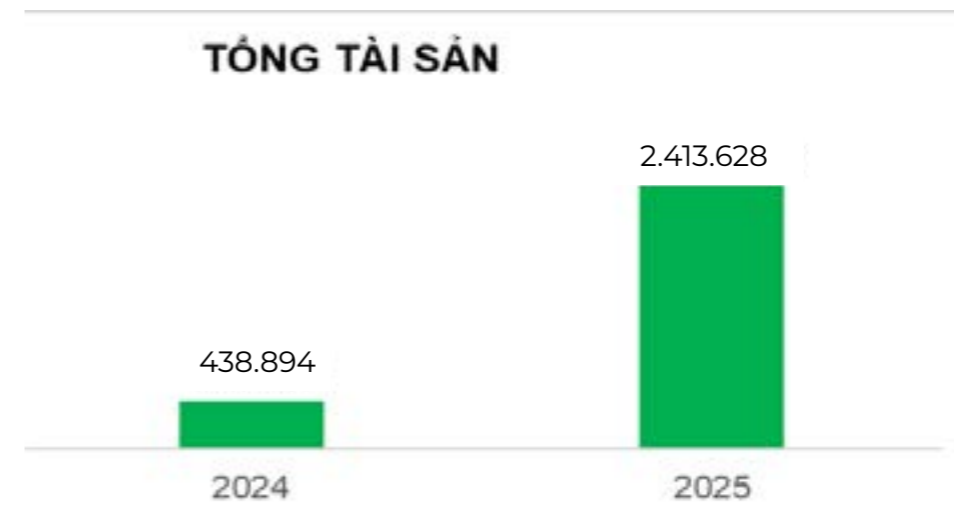
Lợi nhuận trước thuế đạt 139 tỷ đồng, tăng 723% so với năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 127 tỷ đồng, tăng 827%. Biên lợi nhuận được cải thiện mạnh, phản ánh chất lượng tăng trưởng bền vững và hiệu quả sử dụng vốn cao hơn so với giai đoạn trước

Ban Tổng Giám đốc đánh giá năm 2025 là năm tăng trưởng vượt bậc cả về quy mô và hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng tài chính vững chắc và củng cố vị thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường, đồng thời mở ra dư địa phát triển tích cực cho các năm tiếp theo

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty đạt 2.413 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2025, tăng 450% so với cùng kỳ năm 2024.

ĐVT: triệu đồng



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Tại ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 976 tỷ đồng, tăng 34 lần so với đầu năm, chủ yếu do gia tăng vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh sau khi hoàn tất tăng vốn điều lệ. Trong đó, vay và nợ tài chính ngắn hạn là 925,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng lớn 95%, được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ và đầu tư tự doanh. Mặc dù quy mô nợ tăng, tuy nhiên cơ cấu nguồn vốn vẫn đảm bảo cân đối khi tại thời điểm cuối năm hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản ở mức 41%, trong khi nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu ở mức 0,68 lần.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào, bao gồm cả các khoản nợ thanh toán đến hạn với các cơ quan Nhà nước như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Thuế, Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước (UBCKNN), Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)... Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và bạn hàng trong quan hệ kinh doanh và hợp tác.

Trong thời gian tới, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục quản lý chặt chẽ việc sử dụng đòn bẩy tài chính, đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định và duy trì sự ổn định, bền vững trong hoạt động của Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quản lý nhân sự, tập trung vào nâng cao vai trò và giá trị của bộ máy nhân sự kinh doanh. Tuyển dụng và đào tạo các thế hệ kế cận nhân sự trẻ, tâm huyết và có trách nhiệm. Chính sách quản lý và kinh doanh của Công ty hướng tới các mục tiêu phát triển kinh doanh: ổn định, bền vững, an toàn và nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân sự, bao gồm và không giới hạn: Ban Tổng giám đốc, các vị trí quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự kinh doanh, Môi giới... Bên cạnh đó, Công ty tập trung đầu tư và phát triển các tiện ích, công cụ giao dịch trực tuyến nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, tăng lợi ích giao dịch cho nhà đầu tư và góp phần giảm thiểu các chi phí hoạt động liên quan.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2026 được xác định là năm tăng tốc của OCBS theo mục tiêu trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu cung cấp dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Quản lý Tài sản chuyên nghiệp, kết nối hiệu quả dòng vốn trong và ngoài nước, hướng tới sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho các khách hàng mục tiêu, trong đó các nhiệm vụ trọng tâm được đề ra như sau: Tăng vốn điều lệ lên 2.700 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 27/11/2025. Với mức vốn đạt 2.700 tỷ đồng, OCBS sẽ tiến gần hơn đến nhóm công ty chứng khoán có năng lực tài chính mạnh, đủ điều kiện triển khai những sản phẩm quy mô lớn và đẩy nhanh chiến lược phát triển dài hạn;

Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh của Công ty với 3 trụ cột chính:

Ngân Hàng Đầu Tư: cung cấp dịch vụ Ngân hàng đầu tư (thị trường vốn, thị trường nợ, M&A) chuyên nghiệp toàn diện thị trường vốn, thị trường nợ, M&A cho toàn bộ các phân khúc khách hàng. Trong đó, lấy khách hàng làm trọng tâm và tối ưu hóa giá trị dài hạn và gia tăng uy tín trên thị trường chứng khoán;

Kinh doanh Vốn và Tự Doanh: linh hoạt, tối ưu hoá các kênh huy động vốn, là mắt xích luân chuyển Vốn giữa ngân hàng, định chế tài chính và các nhà đầu tư, qua đó đa dạng hoá và tối đa hoá lợi ích sử dụng Vốn thông qua danh mục sản phẩm dịch vụ và hoạt động Đầu tư; Dịch Vụ Chứng Khoán: Xây dựng nền tảng công nghệ tài chính mang đến giải pháp quản lý tài sản vượt trội cho các phân khúc Khách hàng.

Tiếp tục định vị và phủ sóng thương hiệu Công ty chứng khoán mô hình Ngân Hàng Đầu Tư.

Xây dựng các chính sách và sản phẩm phù hợp các hoạt động thực tế, đảm bảo tính cạnh tranh và thúc đẩy hiệu quả kinh Doanh, nâng cao trải nghiệm Khách hàng, tối ưu quy trình và giảm thiểu chi phí Vận hành.

Thúc đẩy chuyển đổi số và hiện đại hóa hạ tầng công nghệ. Đầu tư nâng cấp hệ thống giao dịch, quản lý rủi ro và báo cáo quản trị. Phát triển nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Năm 2025 đánh dấu một bước chuyển mình rõ nét của OCBS trong chiến lược phát triển hoạt động môi giới – từ mô hình tăng trưởng thuần quy mô sang mô hình tăng trưởng có chiều sâu, dựa trên nền tảng công nghệ, chất lượng dịch vụ và nguyên tắc quản trị rủi ro chặt chẽ.

Công ty đã chủ động mở rộng nhanh đội ngũ môi giới, đồng thời triển khai các chính sách phí, lãi suất và sản phẩm tài chính mang tính cạnh tranh cao, qua đó gia tăng đáng kể khả năng thu hút và duy trì tệp khách hàng. Song song, hệ thống giao dịch mới đã được đưa vào vận hành, với nền tảng công nghệ hiện đại, tích hợp các tính năng quản trị danh mục, cảnh báo rủi ro và tối ưu trải nghiệm đầu tư.

Những cải tiến này không chỉ góp phần gia tăng thanh khoản mà còn nâng cao mức độ gắn kết của khách hàng với hệ sinh thái dịch vụ của OCBS. Kết quả, hoạt động môi giới ghi nhận mức tăng trưởng 149,7%, phản ánh sự cải thiện rõ rệt cả về quy mô lẫn chất lượng. Số lượng nhân sự môi giới đạt 76 người, tăng hơn 3 lần so với năm trước. Số lượng tài khoản mở mới đạt 8.155 tài khoản – mức cao nhất từ trước đến nay

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ TÀI CHÍNH

Hoạt động hỗ trợ tài chính tiếp tục là một trong những động lực tăng trưởng quan trọng, với doanh thu đạt 67,4 tỷ đồng, chiếm 24,6% tổng doanh thu năm 2025, tăng trưởng 251% so với năm trước.

Chất lượng danh mục cho vay ký quỹ được kiểm soát chặt chẽ và duy trì ở mức an toàn. Công ty chủ động điều hành hoạt động cho vay theo hướng chọn lọc, tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, thanh khoản cao, đồng thời hạn chế và kiểm soát chặt các khoản vay mang tính đầu cơ.

HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH, TƯ VẤN VÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2025 ghi dấu bước chuyển mình mạnh mẽ khi hoạt động Tự doanh và dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IB) chính thức trở thành trụ cột chiến lược, đóng góp then chốt vào sự tăng trưởng bền vững của Công ty:

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và IB trong năm 2025 của OCBS đạt 144 tỷ đồng, đóng góp 41,22% vào tổng doanh thu toàn Công ty.

Trong năm 2025, IB thực hiện tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu với tổng giá trị giao dịch

vượt mức 38.000 tỷ; Đồng thời, Công ty đã hoàn tất tư vấn hoán đổi nợ thành cổ phần cho Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (HAGL) trị giá 2.520 tỷ đồng. Tháng 11 năm 2025, với vai trò kiến trúc sư trong thu xếp vốn chiến lược và chuẩn hóa hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) của HAGL, OCBS đã tổ chức thành công Hội nghị giới thiệu cơ hội đầu tư cho HAGL.

NHỮNG MẶT ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2025 CỦA HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH VÀ IB OCBS DỰA TRÊN NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CỦA BA YẾU TỐ THEN CHỐT:

Mô hình "Hub Investment Bank" chuyên biệt: OCBS không chỉ cung cấp giải pháp đơn lẻ mà đóng vai trò là trung tâm kết nối, cung cấp hệ sinh thái dịch vụ toàn diện từ tái cấu trúc, thu xếp vốn (Equity & Debt), M&A đến quản lý gia sản..

Đội ngũ nhân sự cấp cao: Quy tụ các chuyên gia dày dặn kinh nghiệm thực chiến, có năng lực xử lý các cấu trúc tài chính phức tạp và các thương vụ quy mô lớn với độ chính xác cao. Hệ sinh thái đối tác chiến lược: Mạng lưới khách hàng được mở rộng theo chiều sâu, tạo ra tệp dữ liệu giá trị và mở ra những cơ hội hợp tác đa ngành, góp phần xây dựng thị trường vốn minh bạch và hiệu quả

Hoạt động nhân sự đào tạo: Tính đến 31/12/2025, tổng số cán bộ nhân viên (CBNV) tại OCBS đạt 149 nhân sự, tạo tiền đề vững chắc cho lộ trình mở rộng quy mô trong giai đoạn tiếp theo. Song hành cùng sự tăng trưởng về số lượng, công tác đào tạo và phát triển năng lực đội ngũ được xác định là trọng tâm chiến lược nhằm tối ưu hóa hiệu quả vận hành:

Hoạt động công nghệ thông tin:

Trong năm 2025, bộ phận Công nghệ thông tin đã hoàn thành nhiều hạng mục trọng điểm, góp phần nâng cao năng lực vận hành và nền tảng công nghệ của công ty. Cụ thể, đơn vị đã xây dựng và đưa vào vận hành cơ sở hạ tầng máy chủ mới, đảm bảo tính ổn định, an toàn và khả năng mở rộng trong dài hạn.

Thực hiện nâng cấp hệ thống theo chuẩn KRX theo quy định của Sở Giao dịch, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và nghiệp vụ mới của thị trường. Đảm bảo hệ thống giao dịch vận hành an toàn và hiệu suất cao.

Bên cạnh đó, bộ phận IT đã triển khai thành công hệ thống giao dịch trực tuyến thế hệ mới – OCBS Invest, mang đến trải nghiệm hiện đại và thân thiện hơn cho khách hàng. Công tác kết nối thu – chi hộ và tích hợp ngân hàng liên kết với OCB, BIDV cũng được hoàn tất, góp phần tối ưu hóa quy trình giao dịch tài chính.

Đặc biệt, việc ra mắt Website OCBS cùng các dịch vụ mở tài khoản trực tuyến ứng dụng công nghệ eKYC đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong chuyển đổi số, giúp nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng và cải thiện trải nghiệm người dùng.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

OCBS áp dụng hệ thống quản trị rủi ro theo mô hình ba (03) tuyến phòng vệ độc lập nhằm phân chia rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng bộ phận. Theo mô hình này, quản trị rủi ro không phải là nhiệm vụ của riêng một khối nào mà là trách nhiệm của tất cả nhân sự. Công ty cũng tin rằng việc phân chia trách nhiệm và duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phù hợp sẽ giúp Công ty đạt được các kế hoạch kinh doanh và phát triển một cách bền vững.

HOÀN THIỆN CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÁC HỘI ĐỒNG CHUYÊN TRÁCH

OCBS đã ban hành và triển khai thực hiện quy chế hoạt động của các Hội đồng chuyên trách bao gồm Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Tín dụng.

Các Hội đồng này đã phát huy vai trò rất tích cực trong việc phê duyệt và quyết định các vấn đề kinh doanh và quản trị rủi ro, đặc biệt trong thời gian thị trường có nhiều biến động trong năm 2025.

Xây dựng chính sách, quy trình

Xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số chính sách và quy trình quan trọng bao gồm Điều lệ và Các Quy chế Quản trị (được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 30/06/2025) và Chính sách Quản trị Rủi ro

Xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung một số chính sách và quy trình nghiệp vụ.

Xây dựng danh mục rủi ro và bộ chỉ báo rủi ro trọng yếu

Để triển khai thực hiện Chính sách Quản trị Rủi ro, OCBS đã xây dựng bộ danh mục rủi ro cho từng Khối và phòng ban. Bộ danh mục rủi ro là nền tảng của hoạt động nhận diện sớm rủi ro, đánh giá, rà soát, cập nhật thường xuyên và định kỳ rủi ro của các bộ phận. Danh mục rủi ro cũng ghi nhận cụ thể các công việc, biện pháp xử lý và kiểm soát rủi ro từ các bộ phận liên quan.

Trên cơ sở danh mục rủi ro của từng khối và phòng ban, OCBS tiến hành xây dựng bộ chỉ báo rủi ro trọng yếu cho toàn Công ty.

HOẠT ĐỘNG, KIỂM TRA, GIÁM SÁT TUÂN THỦ, PHÒNG NGỪA RỦI RO

Phòng Kiểm soát nội bộ và Phòng Quản trị Rủi ro phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát tuân thủ theo cơ chế tiền kiểm và hậu kiểm nhằm đảm bảo các hoạt động của OCBS tuân thủ đúng quy định bao gồm kiểm tra định kỳ và tập trung vào các vấn đề trọng yếu như tuân thủ pháp luật và các quy trình nội bộ.

Các sai sót được báo cáo lên Ban Tổng Giám đốc và các Hội đồng chuyên trách, đồng thời giám sát chặt chẽ cho đến khi được khắc phục hoàn toàn.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện năm 2025	% thực hiện so với kế hoạch năm
1	Tổng Doanh thu	912.933	277.255	229%
2	Tổng Chi phí	517.673	138.413	274%
3	Lợi nhuận trước thuế	395.260	138.842	185%
4	Vốn điều lệ	2.700.000	1.200.000	125%



4 | MỘT NỀN TẢNG QUẢN TRỊ & VẬN HÀNH VƯỢT TRỘI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 054

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 058

QUẢN TRỊ RỦI RO 060

CỔ PHIẾU OCBS 062



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần OCBS
1	Ông Võ Quang Long	Chủ tịch HĐQT	0	0%
2	Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Thành viên HĐQT	0	0%
3	Ông Đào Duy Hải	Thành viên HĐQT	0	0%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Hội đồng đầu Tư (HĐĐT): Hội đồng đầu tư họp định kỳ, thường xuyên thực hiện xem xét, phê duyệt các đề xuất về hoạt động đầu tư, sản phẩm kinh doanh của Công ty.

STT	Thành viên HĐĐT	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Ông Võ Quang Long	Chủ tịch HĐĐT	0	0%
2	Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Thành viên HĐĐT	0	0%
3	Ông Đào Duy Hải	Thành viên HĐĐT	0	0%

Hội đồng tín dụng (HĐTD) : Hội đồng tín dụng họp định kỳ, thường xuyên thực hiện xem xét, phê duyệt các đề xuất về hoạt động cho vay của Công ty.

STT	Thành viên HĐTD	Chức vụ	Số lượng cổ phần VIS sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS
1	Ông Võ Quang Long	Chủ tịch HĐTD	0	0%
2	Ông Đào Duy Hải	Thành viên HĐTD	0	0%
3	Bà Hà Kiệt Trân	Thành viên HĐTD	0	0%

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 52 cuộc họp, thông qua những quyết định quan trọng để định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty và ban hành 103 nghị quyết và quyết định. Chi tiết theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2025

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2025, Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận sự phục hồi tích cực hơn so với năm 2024 trong bối cảnh kinh tế vĩ mô dần ổn định, chính sách tiền tệ tiếp tục được điều hành linh hoạt và mặt bằng lãi suất duy trì ở mức hợp lý, tạo điều kiện cải thiện dòng tiền trên thị trường. Thanh khoản thị trường từng bước được cải thiện, hoạt động huy động vốn và phát hành trên thị trường sơ cấp sôi động trở lại, qua đó mở ra nhiều cơ hội cho các công ty chứng khoán, đặc biệt ở mảng ngân hàng đầu tư và kinh doanh nguồn vốn.

Trong bối cảnh đó, HĐQT OCBS đã tận dụng tốt các cơ hội thị trường, đồng thời triển khai quyết liệt chiến lược tái cấu trúc và tái định vị thương hiệu, tập trung vào các mảng kinh doanh trọng tâm có giá trị gia tăng cao. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng đột biến so với năm trước và vượt xa kế hoạch đề ra.

Cụ thể:

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 277 tỷ đồng, hoàn thành 142% kế hoạch năm và tăng 372% so với năm 2024.

Tổng chi phí năm 2025 là 138 tỷ đồng, tương đương 129% kế hoạch, tăng 230% so với năm 2024.

Lợi nhuận trước thuế đạt 139 tỷ đồng, hoàn thành 158% kế hoạch năm và tăng mạnh 723% so với năm 2024.

Đặc biệt, trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 1.200 tỷ đồng, tăng 4 lần so với năm 2024 và hoàn thành kế hoạch do ĐHCĐ đề ra. Việc tăng vốn điều lệ không chỉ giúp nâng cao năng lực tài chính, cải thiện các chỉ tiêu an toàn tài chính mà còn tạo nền tảng quan trọng để Công ty mở rộng hoạt động ngân hàng đầu tư, bảo lãnh phát hành, kinh doanh nguồn vốn và phát triển các sản phẩm tài chính có cấu trúc.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban TGD về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, tình hình kinh tế, tuân thủ đúng quy định pháp luật;

Ban TGD tiếp nhận chỉ đạo và triển khai biện pháp thực hiện nhiệm vụ mà HĐQT giao phó, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp và báo cáo bằng văn bản định kỳ;

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

Phát triển OCBS trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu cung cấp dịch vụ Ngân hàng Đầu tư và Quản lý Tài sản chuyên nghiệp, kết nối hiệu quả dòng vốn trong và ngoài nước, hướng tới sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho các khách hàng mục tiêu

Các mục tiêu chính như sau:

- TOP 05 về cung cấp Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư.
- TOP 05 về mảng phân phối sản phẩm Wealth, Đầu tư và Kinh Doanh nguồn vốn.
- TOP 15 thị phần Môi giới chứng khoán.
- TOP 15 Vốn Điều Lệ.

PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI

Tăng vốn điều lệ lên mức 2.700 tỷ đồng

Chuẩn hóa nhận diện thương hiệu, định vị thương hiệu theo mô hình Ngân hàng Đầu tư;

Đẩy mạnh cung cấp chuỗi giá trị tích hợp hệ sinh thái công ty mẹ thông qua mô hình kinh doanh hybrid (kết hợp online và offline);

Tăng cường hợp tác với các đối tác tổ chức tài chính lớn đặc biệt là đối tác OCB nhằm cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tài chính cho khách hàng;

Tập trung phát triển chuyên sâu và nâng cao theo mô hình Ngân hàng đầu tư, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính giá trị cao;

Khai thác tối đa các lợi thế sẵn có, kết hợp triển khai cung cấp đa loại hình dịch vụ cho cùng một tệp khách hàng (tư vấn – đầu tư – thu xếp công cụ tài chính – các dịch vụ môi giới);

Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số, phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tăng cường khả năng tiếp cận khách hàng, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;

KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2026

- Hoàn tất tăng vốn điều lệ lên mức 2.700 tỷ đồng;
- Doanh thu tăng trưởng +229% đạt mức 912 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng +185% đạt mức 395 tỷ đồng;
- ROE đạt từ 14% trở lên.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật:

Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và thông báo trong các phiên họp của Hội đồng quản trị.

Thực hiện các phiên họp định kỳ trao đổi việc giám sát hoạt động quản trị điều hành của Công ty.

Thực hiện các đợt kiểm tra giám sát tuân thủ, giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật;

Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thực hiện tốt cơ chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành:

HĐQT, BĐH đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ; Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, BĐH ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát (bao gồm lương và thưởng) cụ thể như sau:

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	
Ông Võ Quang Long	216.000.000
Ông Đào Duy Hải	162.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	27.000.000
Ông Dương Kỳ Hiệp	80.599.500
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	7.556.026.538
Ông Vũ Hoàng Minh	172.610.250
Ông Vĩnh Bảo Quốc	242.373.700
Bà Nguyễn Thị Triều	424.722.300
Bà Hoàng Thị Tuyết Hạnh	594.357.566
Ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Hòa	108.000.000
Ông Đinh Khánh Hòa	12.600.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	75.600.000
Ông Hoàng Công Minh	63.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: trong năm 2025, CTCP Hướng Việt Holdings (tiền thân là CTCP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt) đã thực hiện mua cổ phiếu của OCBS, tăng tỷ lệ sở hữu từ 85,39% lên 93,46%.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty



QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO DO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro, lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, ví dụ: nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh...

Để phòng tránh các rủi ro này, Công ty thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ; Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ; Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên; Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

RỦI RO THANH TOÁN

Xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi OCBS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán.

Công ty đã thực hiện xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn; Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác; Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của đối tác, khách hàng; Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng; Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

RỦI RO THANH KHOẢN

Xảy ra khi Công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. Để quản trị rủi ro này, Công ty đã dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của OCBS; Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho OCBS vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý; Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn Công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai; Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn; Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư; Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, OCBS có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

RỦI RO PHÁP LÝ

Xảy ra khi Công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiến tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được Ban điều hành và bộ phận quản trị rủi ro luôn giám sát chặt chẽ, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện. Ngoài ra, OCBS tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý; Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý; Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty; Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng; Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).



CỔ PHIẾU OCBS

Tổng số cổ phần:	120.000.000 cổ phần
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng
Loại cổ phần đang lưu hành:	120.000.000 cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	114.926.538 cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	5.073.462 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Cơ cấu cổ đông theo tỉ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	01	112.153.860	93,46
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5%	02	5.073.462	4,23
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	63	2.772.678	2,31
TỔNG CỘNG		66	120.000.000	100

- Cơ cấu cổ đông theo vị trí địa lý:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Trong nước			
	Cá nhân	57	2.001.539	1.67%
	Tổ chức	06	117.868.461	98.22%
2	Nước ngoài			
	Cá nhân	03	130.000	0,11%
	Tổ chức	0	00	0
TỔNG CỘNG		66	120.000.000	100

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA SỞ HỮU

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (1,000 VND)	Vốn điều lệ sau phát hành (1,000 VND)	Hình thức phát hành
1	15/09/2014		60.000.000	Thành lập Công ty
2	20/10/2016	90.000.000	150.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
3	02/11/2021	150.000.000	300.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
4	27/06/2025	900.000.000	1.200.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Trong năm 2025 OCBS không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu OCBS sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu OCBS
1	Nguyễn Đức Quân Tùng	Tổng Giám đốc	0	0
2	Hoàng Thị Tuyết Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	0	0



5 | MỘT ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH XANH DẪN ĐẦU



Vòng tròn 17 màu là biểu trưng của 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững đã được Đại hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua năm 2015 nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và bảo đảm sự thịnh vượng cho tất cả mọi người.

TẦM NHÌN BỀN VỮNG GẮN VỚI 17 MỤC TIÊU LIÊN HIỆP QUỐC	066
DẪN DẮT HIỆU QUẢ KINH TẾ	070
DẪN BƯỚC SỰ NGHIỆP NHÂN VIÊN	072
DẪN HƯỚNG MÀU XANH THIÊN NHIÊN	074
DẪN LỐI THỊNH VƯỢNG BỀN VỮNG	076



TẦM NHÌN BỀN VỮNG

GẮN VỚI 17 MỤC TIÊU LIÊN HIỆP QUỐC

OCBS tin rằng một doanh nghiệp hiệu quả và trường tồn phải có khả năng tạo ra những giá trị bền vững, lâu dài cho chính họ và các bên liên quan. Chúng tôi xác định 04 mục tiêu chiến lược cốt lõi hướng đến tầm nhìn bền vững gồm:

DẪN DẮT HIỆU QUẢ KINH TẾ



DẪN BƯỚC SỰ NGHIỆP NHÂN VIÊN



DẪN HƯỚNG MÀU XANH THIÊN NHIÊN



DẪN LỐI THỊNH VƯỢNG BỀN VỮNG



Ngày 25/09/2015, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã thông qua 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) nhằm xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh, bảo đảm mọi người dân được hưởng hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030.

Thấu hiểu sâu sắc tầm quan trọng và ý nghĩa nhân văn của Bộ mục tiêu Liên Hiệp Quốc về phát triển bền vững, OCBS tham chiếu và thực thi chiến lược bền vững gắn với 17 mục tiêu SDG. Trong đó, OCBS xác định 4 mục tiêu SDG trọng yếu gồm:

4 QUALITY EDUCATION



SDG 04
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH



SDG 08
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG

17 PARTNERSHIPS FOR THE GOALS

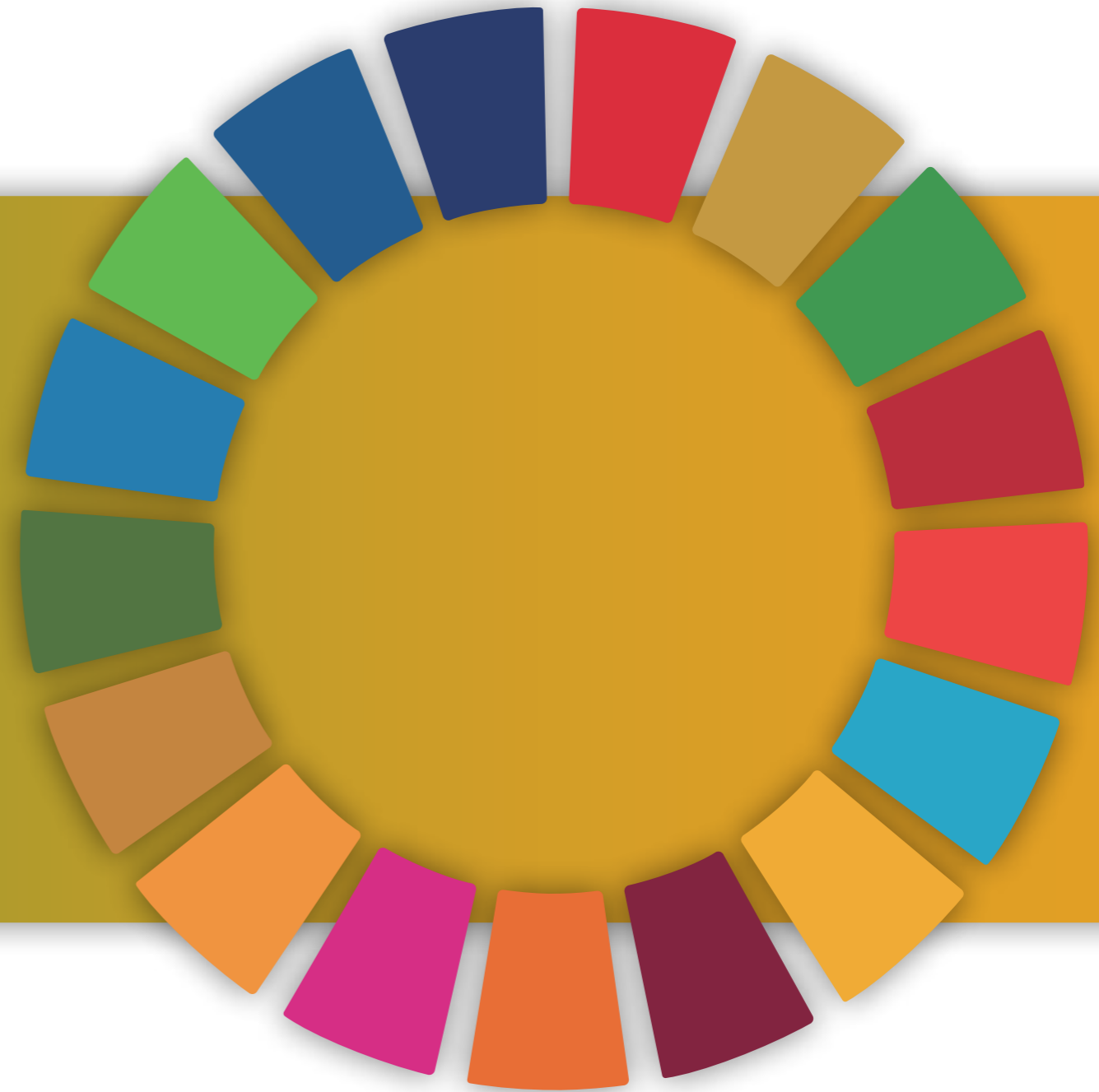


SDG 16
HÒA BÌNH, CÔNG BẰNG & THỂ CHẾ VỮNG MẠNH

16 PEACE, JUSTICE AND STRONG INSTITUTIONS



SDG 17
HỢP TÁC ĐỂ HIỆN THỰC HÓA CÁC MỤC TIÊU

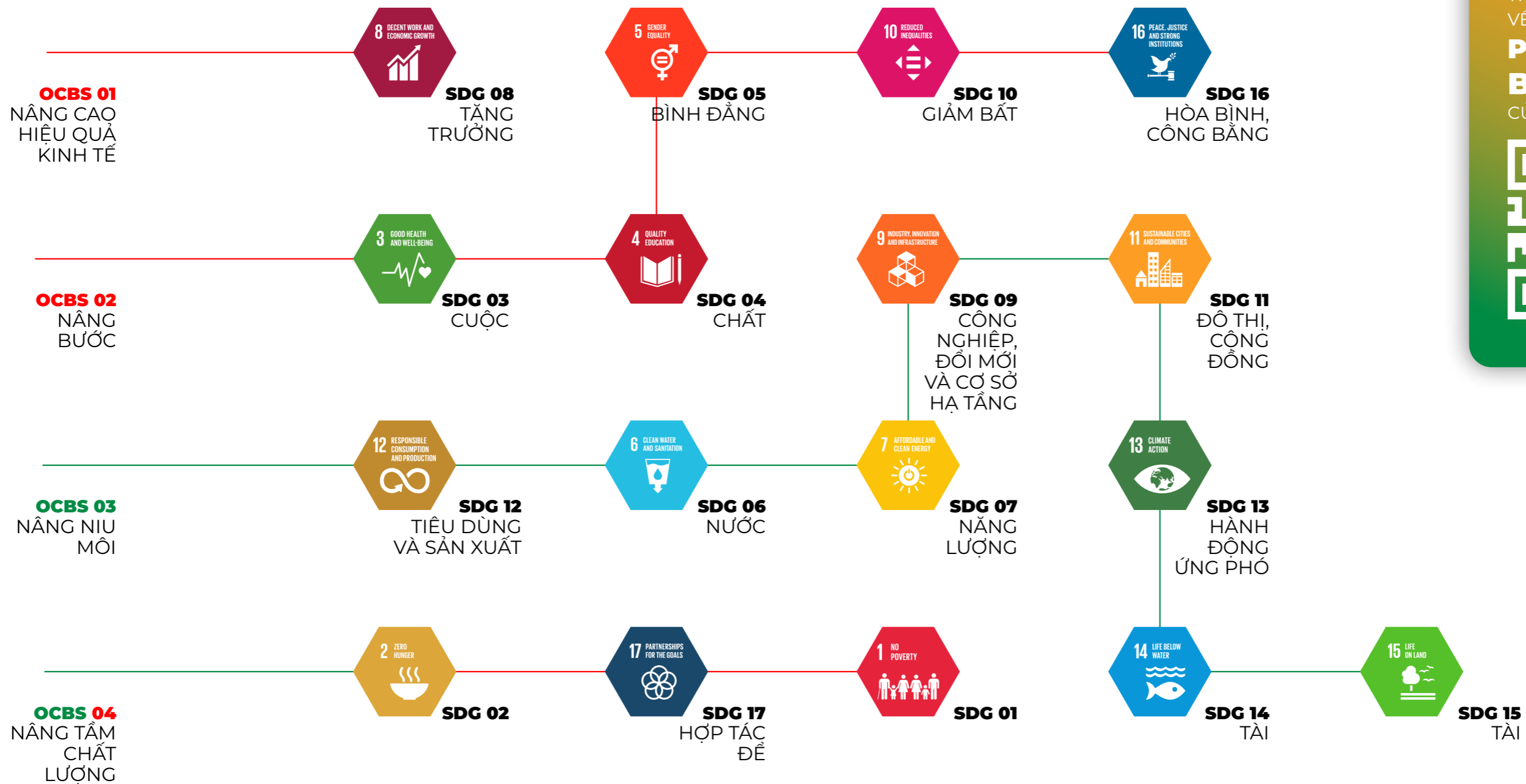


TẦM NHÌN BỀN VỮNG

GẮN VỚI 17 MỤC TIÊU LIÊN HIỆP QUỐC



THE GLOBAL GOALS
For Sustainable Development



THÔNG TIN CHI TIẾT
VỀ 17 MỤC TIÊU SDG
**PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**
CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

DẪN DẮT HIỆU QUẢ KINH TẾ

OCBS theo đuổi hiệu quả kinh tế trên nền tảng tăng trưởng có chọn lọc, quản trị minh bạch và năng lực tư vấn tài chính chuyên sâu.

Với định hướng phát triển mô hình Ngân hàng Đầu tư và Quản lý Tài sản, OCBS không chỉ cung cấp dịch vụ môi giới, mà còn từng bước mở rộng vai trò trong kết nối dòng vốn, tư vấn huy động vốn cổ phần và trái phiếu, M&A, tư vấn tài chính doanh nghiệp, quản lý tài sản và phân tích chuyên sâu.

Cách tiếp cận này giúp OCBS gia tăng chất lượng doanh thu, nâng cao giá trị phục vụ khách hàng tổ chức lẫn cá nhân, đồng thời xây dựng nền tảng tăng trưởng bền vững hơn so với mô hình phụ thuộc đơn thuần vào thanh khoản thị trường. Kết quả kinh doanh năm 2025 cho thấy quá trình tái cấu trúc và mở rộng hoạt động đã bắt đầu phản ánh rõ vào hiệu quả vận hành, với tăng trưởng lợi nhuận mạnh, số lượng khách hàng mới gia tăng, cùng sự cải thiện ở dư nợ margin, hiệu suất đầu tư và hoạt động tự doanh.

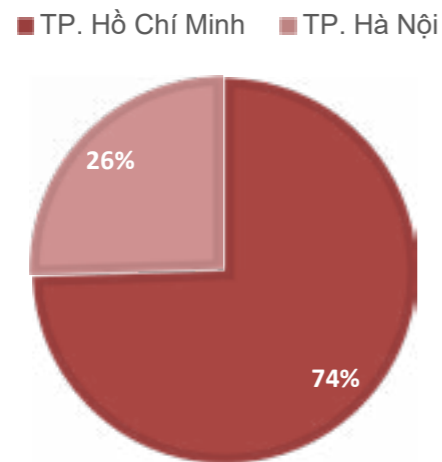


DẪN BƯỚC SỰ NGHIỆP NHÂN VIÊN

CƠ CẤU NHÂN SỰ

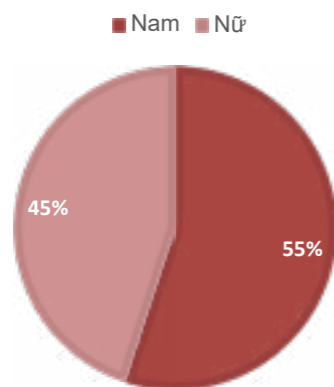
Tính đến ngày 31/12/2025, tổng số nhân sự của Công ty là 149 người, trong đó:

Cơ cấu nhân sự theo địa bàn hoạt động



Việc phân bổ nhân sự giữa các địa bàn được thực hiện phù hợp với định hướng mở rộng mạng lưới và chiến lược kinh doanh tại từng khu vực.

Cơ cấu nhân sự theo giới tính



Công ty đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trong tuyển dụng, đào tạo và bổ nhiệm, tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực và cơ hội thăng tiến dựa trên năng lực và hiệu quả công việc.

QUY CHẾ LƯƠNG THƯỜNG

Trong năm 2025, Công ty ban hành Quy chế Lương Thường (hiệu lực từ tháng 07/2025), được xây dựng trên các nguyên tắc:

- Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;
- Gắn thu nhập với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh;
- Đảm bảo tính cạnh tranh và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM VÀ CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Toàn bộ người lao động ký hợp đồng lao động xác định thời hạn và không xác định thời hạn với Công ty đều được tham gia đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Công ty triển khai chương trình bảo hiểm sức khỏe và các chế độ phúc lợi như: thưởng lễ, Tết; nghỉ mát hàng năm; khám sức khỏe định kỳ; hỗ trợ ăn ca, điện thoại, gửi xe; quà sinh nhật; chế độ hiếu, hỷ và các hoạt động gắn kết nội bộ. Các chính sách này góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, chuyên nghiệp và tạo động lực phát triển lâu dài cho người lao động.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Trong năm 2025, Công ty triển khai các chương trình đào tạo nội bộ và bên ngoài, tập trung vào cập nhật quy định pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng quản lý và đào tạo hội nhập cho nhân sự mới.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2025, Ban Điều hành của OCBS có sự điều chỉnh nhân sự nhằm kiện toàn bộ máy quản lý và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Cụ thể:

Ngày 10/02/2025, Công ty bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Quân Tùng giữ chức vụ Tổng Giám đốc. Đồng thời, ngày 15/08/2025, ông được bổ nhiệm kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh

. Trong năm, một số chức danh Phó Tổng Giám đốc được điều chỉnh theo nhu cầu tổ chức; đồng thời, Công ty thực hiện thay đổi nhân sự quản lý tại Chi nhánh nhằm đảm bảo tính ổn định và hiệu quả trong điều hành.

DẪN HƯỚNG MÀU XANH THIÊN NHIÊN

TIÊU THỤ NGUỒN NƯỚC

Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến... Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán – Tài chính, Công ty luôn ý thức và nhận định việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động, khách hàng và cộng đồng xã hội. Công ty luôn chú trọng đến việc tiết kiệm tiêu thụ điện năng thông qua việc định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống Máy móc thiết bị và thay thế ngay khi cần thiết.

Đối với quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, Công ty cũng luôn chú trọng thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định về BHXH, BHYT, BHTN và có những chính sách về phúc lợi dành cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động. Công ty luôn xác định “Con người là chủ thể của mọi hoạt động kinh doanh - Nhân lực là nền tảng của sự phát triển”, do đó, Công ty xây dựng các chính sách về lương, thưởng phù hợp với thực tiễn kinh doanh theo xu hướng tăng dần qua từng thời kỳ, quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ CBNV thông qua việc khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch cho CBNV hàng năm. Qua đó, góp phần tạo sự đoàn kết, gắn bó của đội ngũ nhân sự, đồng lòng, chung sức vì mục tiêu chung của Công ty và của cộng đồng ngành Chứng khoán.



DẪN LỐI THỊNH VƯỢNG BỀN VỮNG

Tích cực tham gia các chương trình kêu gọi thành lập các quỹ cứu trợ dành cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng cao và các vùng bị thiên tai do công đoàn địa phương tổ chức.

Cung cấp các chương trình thực tập dành cho các sinh viên mới ra trường, đào tạo và trao cơ hội việc làm cho những sinh viên thực sự có khả năng và có tố chất.

Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như UBCKNN, HNX, HOSE, cơ quan thuế, BHXH, ...

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không phát sinh

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán, từng bước nâng tầm vị thế trong hoạt động kinh doanh, VIS đã có những chiến lược trung và dài hạn tập trung vào việc xây dựng các yếu tố mang tính nền tảng như sau:

Nhân sự: Phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động cho toàn thể nhân sự của Công ty để có thể phát huy hết lợi thế của mình. Bên cạnh đó VIS luôn đề cao nền tảng đạo đức nghề nghiệp cho tất cả nhân sự của mình, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.

Công nghệ: Xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ tốt nhất cho các nhu cầu của khách hàng và vận hành Công ty. Đảm bảo cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, an toàn và ổn định.

Sản phẩm: Không ngừng hoàn thiện, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh với các Công ty chứng khoán khác. Luôn lấy sự hài lòng và lợi ích của khách hàng trong khuôn khổ của pháp luật để đánh giá sự thành công của sản phẩm.

Tài chính: Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng được tốt nhất những yêu cầu về sản phẩm tài chính của khách hàng và về mục tiêu đầu tư kinh doanh của Công ty trong mọi tình huống.

Quản trị rủi ro: Tăng cường năng lực quản trị rủi ro song song với việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Quản trị chi phí: Kiểm soát chi phí chặt chẽ, giảm thiểu các chi phí không cần thiết



6 | MỘT KẾT QUẢ KINH DOANH BỨT PHÁ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	080
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	086
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	096
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	098
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	100
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	106



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (tên cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam) thành lập và hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 75/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 8 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106665886 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp các giấy phép điều chỉnh liên quan đến thay đổi tên Công ty, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, thay đổi người đại diện theo pháp luật, thay đổi vốn điều lệ,....

Trụ sở hoạt động theo Giấy phép thành lập vào hoạt động công ty chứng khoán:

Địa chỉ	Tầng 26, tòa nhà The Hallmark, số 15 đường Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại	+84 (028) 7108 8848

Công ty có chi nhánh Hà Nội tại tầng 8, số 265 Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Quang Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Đào Duy Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Hoàng Công Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2025
Ông Đinh Khánh Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2025
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2025
Bà Hoàng Thị Tuyết Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2025
Nguyễn Thị Triều	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 8 năm 2025 Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2025
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Quang Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2025

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.



Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2026



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Hồ Chí Minh Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Sơn Hòa Ward, Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3647 2972 ktv@a-c.com.vn
Hanoi Branch : 40 Giảng Võ St., Giảng Võ Ward, Hồ Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 ktv.hn@a-c.com.vn
Central Region Branch : Lot 57/39A/11, Road 12, Le Hong Phong Urban Area, Nam Hoa Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam Tel: +84 (0258) 248 5151 ktv.mt@a-c.com.vn
Southwest Branch : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Hùng Phú Ward, Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 ktv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số 1.0310/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày ... tháng ... năm 2026, từ trang ... đến trang ..., bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý về các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy

đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 20 tháng

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Trần Thị Thủy Quyên
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKKH kiểm toán: 1539-2023-008-1
Người được ủy quyền



Nguyễn Thị Phước Liên
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKKH kiểm toán: 1199-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN					
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.376.781.782.071	422.417.999.326
I.	Tài sản tài chính	110		2.373.227.638.266	421.116.736.903
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	57.858.599.313	62.599.400.320
1.1.	Tiền	111.1		57.858.599.313	2.099.400.320
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	60.500.000.000
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3a, d	570.475.590.154	122.868.742.329
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	VI.3b, d	570.000.000.000	60.000.000.000
4.	Các khoản cho vay	114	VI.3c	1.110.350.470.284	124.401.922.280
5.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	VI.3e	(7.423.256.842)	(2.821.256.842)
6.	Các khoản phải thu	117		59.322.712.147	40.893.610.568
6.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	VI.4	33.979.589.998	33.156.089.474
6.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	VI.4	25.343.122.149	7.737.521.094
6.2.1.	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		25.343.122.149	7.737.521.094
7.	Trả trước cho người bán	118	VI.4	787.900.000	86.806.330
8.	Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.4	1.143.111.722	1.728.525.201
9.	Các khoản phải thu khác	122	VI.4	19.140.452.472	19.431.628.125
10.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.4	(8.427.940.984)	(8.072.641.408)
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		3.554.143.805	1.301.262.423
1.	Tạm ứng	131		-	607.584.759
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.5a	3.554.143.805	693.677.664
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.846.560.283	16.476.152.877
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		900.000.000	900.000.000
1.	Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
1.1.	Đầu tư dài hạn khác	212.4	VI.3f	900.000.000	900.000.000



CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II.	Tài sản cố định	220		16.991.206.581	4.318.181.189
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	14.511.530.006	3.089.412.005
	- Nguyên giá	222		19.362.722.388	16.306.126.713
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.851.192.382)	(13.216.714.708)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	2.479.676.575	1.228.769.184
	- Nguyên giá	228		7.172.110.735	15.299.714.990
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(4.692.434.160)	(14.070.945.806)
III.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	VI.8	720.000.000	-
IV.	Tài sản dài hạn khác	250		18.235.353.702	11.257.971.688
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	VI.9	228.020.550	682.246.219
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.5b	6.975.573.153	751.068.885
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	VI.11	36.908.298	-
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	VI.10	10.994.851.701	9.824.656.584
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.413.628.342.354	438.894.152.203
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		976.533.561.492	29.160.502.074
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		976.005.934.910	28.632.875.492
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		925.300.000.000	5.000.000.000
1.1.	Vay ngắn hạn	312	VI.12	925.300.000.000	5.000.000.000
2.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	VI.13	3.044.174.462	113.051.180
3.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.14	16.418.319.982	16.426.820.501
4.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		535.000.000	87.500.000
5.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.15	6.971.172.623	1.704.121.272
6.	Phải trả người lao động	323		15.065.645.340	35.394.206
7.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		617.138.199	369.076.433
8.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.16	2.986.867.197	356.293.747
9.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		166.461.396	226.461.396
10.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	VI.17	4.893.170.135	4.306.171.181
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		7.985.576	7.985.576



CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		527.626.582	527.626.582
1.	Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		527.626.582	527.626.582
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.437.094.780.862	409.733.650.129
I.	Vốn chủ sở hữu	410		1.437.094.780.862	409.733.650.129
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	300.000.000.000
1.1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1	VI.18	1.200.000.000.000	300.000.000.000
a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.200.000.000.000	300.000.000.000
2.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		2.978.056.298	2.978.056.298
3.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.021.943.702	3.021.943.702
4.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		5.117.661.540	5.117.661.540
5.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		225.977.119.322	98.615.988.589
5.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		132.353.788.304	90.603.007.411
5.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		93.623.331.018	8.012.981.178
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		2.413.628.342.354	438.894.152.203



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
	Nợ khó đòi đã xử lý	004		445.371.228	-
	Cổ phiếu đang lưu hành	006		120.000.000	30.000.000
3.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của CTCK	008		465.351.200.000	117.004.620.000
4.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	009		-	1.380.000
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	012		2.694.160.000	2.692.690.000
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	VII.1	9.233.442.597.900	8.520.110.900.000
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		5.248.475.737.900	6.061.537.270.000
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		5.196.320.000	88.713.440.000
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		3.967.138.730.000	2.361.629.760.000
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		40.000	40.000
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		12.631.770.000	8.230.390.000
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	VII.2	47.119.160.000	18.160.980.000
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		40.069.160.000	11.110.980.000
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.050.000.000	7.050.000.000
3	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		51.203.340.000	7.862.560.000
4.	Tiền gửi của khách hàng	026	VII.3	345.534.168.890	66.894.589.826
4.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		314.114.295.290	51.891.492.946
4.2.	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	15.003.096.880
4.3.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		31.419.873.600	-
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		31.399.473.600	-
b.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		20.400.000	-
5.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	VII.4	345.534.168.890	66.894.589.826



	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5.1.	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		343.317.140.318	64.903.703.084
5.2.	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		2.217.028.572	1.990.886.742

Nguyễn Phương Tuấn
Người lập

Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2024
Người đại diện pháp luật



Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		114.272.845.029	10.641.118.246
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VIII.1	22.532.082.511	395.875.135
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	VIII.2	84.856.281.940	430.484.310
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.3	6.884.480.578	9.814.758.801
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VIII.3	15.909.066.572	3.102.999.527
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VIII.3	67.409.212.573	19.203.474.335
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VIII.4	43.490.778.195	17.417.528.484
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VIII.4	69.985.565	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VIII.4	2.668.364.176	2.230.922.053
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VIII.4	29.601.318.182	3.601.090.909
Thu nhập hoạt động khác	11	VIII.4	1.015.289.173	617.617.931
Cộng doanh thu hoạt động	20		274.436.859.465	56.814.751.485
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		327.964.959	285.375.126
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VIII.1	206.655.276	279.489.370

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VIII.2	69.432.624	487.376
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		51.877.059	5.398.380
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay	24		4.957.299.576	2.135.296.758
Chi phí hoạt động tự doanh	26		2.231.483.202	1.043.713.100
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VIII.5	41.162.961.724	12.704.229.169
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		6.803.906.914	5.379.188.169
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		4.939.808.293	2.520.595.572
Chi phí các dịch vụ khác	32		-	5.792.593
Cộng chi phí hoạt động	40		60.423.424.668	24.074.190.487

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		823.500.524	1.167.456.554
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		1.782.675.142	797.451.988
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.606.175.666	1.964.908.542

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí lãi vay	52		19.905.811.859	232.237.965
Cộng chi phí tài chính	60		19.905.811.859	232.237.965

CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	62	VIII.6	56.380.779.904	17.603.958.372
--	----	--------	----------------	----------------



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		140.333.018.700	16.869.273.203

THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71	VIII.7	211.498.351	4.284.359
Chi phí khác	72	VIII.8	1.702.488.942	4.900
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(1.490.990.591)	4.279.459

TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
Lợi nhuận đã thực hiện	91		53.231.678.269	15.276.099.174
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		85.610.349.840	1.597.453.488

CHI PHÍ THUẾ TNDN				
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.15	11.517.805.674	3.140.937.202
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.11	(36.908.298)	-

LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN				
	200		127.361.130.733	13.732.615.460

THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	501	VIII.9	1.668	458

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

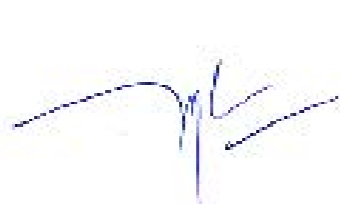
Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025

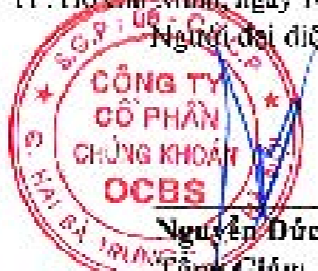
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(9.495.655.423.976)	(4.651.237.276.550)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		7.377.304.153.296	4.842.107.186.819
Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03		(586.581.010)	(785.968.029)
Cổ tức đã nhận	04		1.400.000	1.415.000
Tiền lãi đã thu	05		66.630.608.141	40.161.288.861
Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06		(19.164.397.612)	(361.033.286)
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(39.913.488.955)	(9.218.510.425)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(50.102.855.160)	(19.089.522.760)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(88.333.422.767)	(27.641.416.453)
Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các tài sản tài chính	10		(42.845.990)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		1.191.111.659.897	1.756.198.713.252
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(750.764.909.981)	(1.694.569.681.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.809.516.104.117)	235.565.194.512

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	VI.6; VI.7; VI.8	(15.601.242.344)	(959.433.300)


Nguyễn Phương Tuấn
 Người lập


Võ Hồng Tuyết Nga
 Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026
 Người đại diện pháp luật

Nguyễn Đức Quân Tùng
 Tổng Giám đốc



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22	VI.6; VI.7; VIII.7	76.545.454	3.636.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.524.696.890)	(955.796.936)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	VI.18	900.000.000.000	-
Tiền vay gốc	33		4.316.300.000.000	596.000.000.000
Tiền vay khác	33.2	VI.12	4.316.300.000.000	596.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.396.000.000.000)	(773.000.000.000)
Tiền chi trả gốc vay khác	34.3	VI.12	(3.396.000.000.000)	(773.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.820.300.000.000	(177.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.740.801.007)	57.609.397.576
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	62.599.400.320	4.990.002.744
- Tiền	61		2.099.400.320	4.990.002.744
- Các khoản tương đương tiền	62		60.500.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	57.858.599.313	62.599.400.320
- Tiền	71		57.858.599.313	2.099.400.320
- Các khoản tương đương tiền	72		-	60.500.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		18.722.274.832.060	15.391.565.033.860
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(41.162.849.239.923)	(34.568.114.685.255)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		22.721.502.483.834	18.810.746.631.135
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(2.288.496.907)	(1.902.443.473)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		557.759.869.037	3.336.196.940.354
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(557.759.869.037)	(3.349.853.953.424)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		278.639.579.064	(381.362.476.803)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	VII.3	66.894.589.826	448.257.066.629
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		66.894.589.826	448.257.066.629
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		51.891.492.946	84.117.531.709
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34		15.003.096.880	350.482.521.850
Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		-	13.657.013.070
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng				
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	VII.3	345.534.168.890	66.894.589.826
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		345.534.168.890	66.894.589.826



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		314.114.295.290	51.891.492.946
Tiền gửi tổng hợp và thanh toán giao dịch chứng khoán	43		-	15.003.096.880
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		31.419.873.600	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026
 Người đại diện pháp luật

Nguyễn Phương Tuấn
 Người lập

Võ Hồng Tuyết Nga
 Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Quân Tùng
 Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		2024	2025	2024		2025		2024	2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VI.18	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	900.000.000.000	-	300.000.000.000	1.200.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	900.000.000.000	-	300.000.000.000	1.200.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.978.056.298	2.978.056.298	-	-	-	-	2.978.056.298	2.978.056.298
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		3.021.943.702	3.021.943.702	-	-	-	-	3.021.943.702	3.021.943.702
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	1.171.444.450	1.171.444.450	1.135.553.386	1.135.553.386	-	-
5. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.117.661.540	5.117.661.540	-	-	-	-	5.117.661.540	5.117.661.540
6. Lợi nhuận chưa phân phối		84.883.373.129	98.615.988.589	13.732.615.460	-	127.361.130.733	-	98.615.988.589	225.977.119.322
6.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		84.884.120.490	90.603.007.411	5.718.886.921	-	41.750.780.893	-	90.603.007.411	132.353.788.304
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(747.361)	8.012.981.178	8.013.728.539	-	85.610.349.840	-	8.012.981.178	93.623.331.018
Cộng		396.001.034.669	409.733.650.129	14.904.059.910	1.171.444.450	1.028.496.684.119	1.135.553.386	409.733.650.129	1.437.094.780.862

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026
 Người đại diện pháp luật


 Nguyễn Phương Tuấn
 Người lập


 Võ Hồng Tuyết Nga
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Đức Quân Tùng
 Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS (tên cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam) (sau đây gọi là "Công ty") thành lập và hoạt động theo:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/GP-UBCK ngày 15 tháng 9 năm 2014 và Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 75/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 8 năm 2025 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106665886 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 9 năm 2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 30 tháng 7 năm 2025 do Sở Tài chính TP. Hà Nội cấp.

2. Địa chỉ liên hệ

Trụ sở hoạt động theo Giấy phép thành lập vào hoạt động công ty chứng khoán của Công ty tại tầng 26, tòa nhà The Hallmark, số 15 Trần Bạch Đằng, phường An Khánh, TP. Hồ Chí Minh

Công ty có chi nhánh tại Hà Nội tại tầng 8, số 265 Cầu Giấy, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động sửa đổi gần nhất của Công ty ban hành ngày 27 tháng 11 năm 2025.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

- Quy mô vốn:
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.200.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 1.437.094.780.862 VND, tổng tài sản là 2.413.628.342.354 VND.
- Mục tiêu hoạt động:
Hoạt động chính của Công ty là: *môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.*
- Hạn chế đầu tư:
Công ty tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 (sau đây gọi tắt là "Thông tư số 121") của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 (sau đây gọi tắt là "Thông tư số 68"), cụ thể như sau:
 - Công ty không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
 - Công ty mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá 50% tổng tài sản của Công ty.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - ✓ Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - ✓ Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - ✓ Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này Công ty không phải tuân thủ các quy định sau:
 - ✓ Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - ✓ Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - ✓ Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- ✓ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh mà Công ty đang thực hiện;
- ✓ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;
- ✓ Công ty sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26, Thông tư số 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3, Điều 28 và Điểm e, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121, cụ thể như sau:

Hạn chế vay nợ:

- + Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty không vượt quá 5 lần. Giá trị tổng nợ theo quy định này không bao gồm: tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; quỹ khen thưởng, phúc lợi; dự phòng trợ cấp mất việc làm; dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
- + Nợ ngắn hạn của Công ty tối đa bằng tài sản ngắn hạn;
- + Công ty chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng



- + khoản, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định nêu trên.

Hạn chế đầu tư:

- + Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu;
- + Công ty không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh.
- Trường hợp Công ty đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty hoặc tổ chức góp vốn, Công ty phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4; Điều 28; Thông tư số 121 tối đa trong thời hạn 1 năm.
- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 9a, Thông tư số 120/2020/TT-BTC về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được tiếp tục nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 08/2026/TT-BTC (“Thông tư số 08”) sửa đổi, bổ sung nhiều thông tư có liên quan về quản lý hoạt động của các công ty chứng khoán, trong đó Điều 14 của Thông tư số 08 bổ sung thêm Khoản 8 và Khoản 9 vào sau Khoản 7, Điều 28, Thông tư số 121 đã được bổ sung bởi Khoản 3, Điều 3, Thông tư số 68 về các nội dung sau:

- Trường hợp Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 về thực hiện giao dịch mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền khi đặt lệnh của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư tại các Điểm a, c, d, đ, e và g, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121 thì Công ty không được nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, không được ký kết, thực hiện hợp đồng thỏa thuận nhận chuyển quyền sở hữu số cổ phiếu không được thực hiện thanh toán cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 1 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.
- Công ty thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 16, Thông tư số 121 phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 28, Thông tư số 121.

Công ty tuân thủ các quy định về hạn chế đầu tư bổ sung của Thông tư số 08 từ ngày 03 tháng 02 năm 2026.

Ngoài chi nhánh tại Hà Nội là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc, Công ty không có công ty con, công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc nào khác.

1. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

I. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng của Công ty kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.



Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào chỉ tiêu “Lỗ” và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL, chi tiết “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

Chênh lệch tăng do đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phản ánh vào chỉ tiêu “Thu nhập” chi tiết “Chênh lệch tăng về đánh giá lại - Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán; hoặc không được phân loại là các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính; trừ trường hợp tài sản tài chính là công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy, tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, Công ty đánh giá liệu có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị hay không. Đối với công cụ vốn, bằng chứng suy giảm bao gồm việc giá trị hợp lý giảm đáng kể hoặc kéo dài xuống thấp hơn giá gốc; trong đó “đáng kể” được xem xét trên mức độ chênh lệch so với giá gốc và “kéo dài” được đánh giá theo thời gian giá trị hợp lý duy trì dưới giá gốc. Khi xác định có suy giảm giá trị, toàn bộ khoản lỗ lũy kế liên quan đến tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị đã ghi nhận trong khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc vốn chủ sở hữu được tái phân loại và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động tại chỉ tiêu “Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán”. Khoản lỗ suy giảm được xác định bằng chênh lệch giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như: phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ phải trả tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của sự suy giảm giá trị có thể bao gồm giá thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi và gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được của các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

1. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán;
- Hợp đồng cho vay các tài sản tài chính khác.

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

2. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

3. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc vốn chủ sở hữu.

4. Giá thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Đối với các tài sản tài chính có giá niêm yết hoặc có thể xác định được giá thị trường, giá trị được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận theo quy định áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính.



Giá thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa trước thời điểm lập Báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách và tình hình tài chính của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

1. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận, phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận, phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

2. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là: công cụ, dụng cụ; chi phí thuê văn phòng, sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn hiệu lực của hợp đồng và không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng và chi phí viễn thông, cước đường truyền

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ không quá 3 năm.

3. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc, thiết bị	3 – 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 – 8

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Tài sản cố định vô hình của Công ty chủ yếu là phần mềm. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 3 đến 8 năm.

1. Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và phải trả đại lý phát hành của Công ty chứng khoán
- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

2. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư

Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư được trích theo quy định của pháp luật về chứng khoán tại thời điểm trích. Việc xử lý hoặc hoàn trả số dư Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư được thực hiện khi có quy định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

3. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận vào vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

4. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu cung cấp dịch vụ (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ có thể được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được từ các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;



thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

1. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

2. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

3. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

6. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

I. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.



1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi ở các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Quản trị rủi ro của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Công ty gồm: phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính; các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu về cho vay thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng.

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu còn lại thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét suy giảm chất lượng tín dụng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì và kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.4, tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng từ 1 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.



Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ảnh hưởng về giá chứng khoán được ghi nhận kịp thời hàng kỳ vào Báo cáo tài chính hàng kỳ của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng nếu có là không đáng kể.

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	259.746
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	57.858.599.313	2.099.140.574
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	-	60.500.000.000
Cộng	57.858.599.313	62.599.400.320

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
Của Công ty	43.847.994	2.358.086.668.726
Cổ phiếu	26.270.463	322.472.621.900
Trái phiếu	17.577.531	2.035.614.046.826
Của nhà đầu tư	1.575.827.627	36.610.207.588.486
Cổ phiếu	1.551.611.810	32.639.970.936.620
Trái phiếu	3.393.385	3.934.895.334.276
Chứng khoán khác	20.822.432	35.341.317.590
Cộng	1.619.675.621	38.968.294.257.212

3. Các loại tài sản tài chính

3a. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	189.420.000.000	270.270.000.000	9.546.984.667	9.976.981.601
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.243.904	4.621.243.904	4.621.160.728	4.621.160.728
Trái phiếu chính phủ	130.499.600.000	130.429.680.000	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	160.717.900.000	165.154.666.250	108.270.600.000	108.270.600.000
Cộng	485.258.743.904	570.475.590.154	122.438.745.395	122.868.742.329

3b. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) (*)	170.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)	100.000.000.000	60.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) (*)	300.000.000.000	-
Cộng	570.000.000.000	60.000.000.000

(*) Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại các Ngân hàng này đã được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (xem thuyết minh số VI.12).

3c. Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Gốc cho vay giao dịch ký quỹ	1.075.376.538.559	1.074.142.235.927	117.692.521.247	116.458.218.615
Gốc ứng trước tiền bán chứng khoán	33.284.977.515	33.284.977.515	5.020.442.894	5.020.442.894
Gốc cho vay các tài sản tài chính khác	1.688.954.210	-	1.688.958.139	102.003.929
Cộng	1.110.350.470.284	1.107.427.213.442	124.401.922.280	121.580.665.438



3d. Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị thị trường cuối năm

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Tăng	Giảm	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	485.258.743.904	570.475.590.154	85.286.766.250	69.920.000	570.475.590.154
Cổ phiếu niêm yết	189.420.000.000	270.270.000.000	80.850.000.000	-	270.270.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.243.904	4.621.243.904	-	-	4.621.243.904
Trái phiếu chính phủ	130.499.600.000	130.429.680.000	-	69.920.000	130.429.680.000
Trái phiếu doanh nghiệp	160.717.900.000	165.154.666.250	4.436.766.250	-	165.154.666.250
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	570.000.000.000	570.000.000.000	-	-	570.000.000.000
Cộng	1.055.258.743.904	1.140.475.590.154	85.286.766.250	69.920.000	1.140.475.590.154

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Tài sản tài chính	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Tăng	Giảm	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	122.438.745.395	122.868.742.329	430.484.310	487.376	122.868.742.329
Cổ phiếu niêm yết	9.546.984.667	9.976.981.601	430.484.310	487.376	9.976.981.601
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.160.728	4.621.160.728	-	-	4.621.160.728
Trái phiếu doanh nghiệp	108.270.600.000	108.270.600.000	-	-	108.270.600.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Cộng	182.438.745.395	182.868.742.329	430.484.310	487.376	182.868.742.329

3e. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Chi tiết số dư dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay ký quỹ và cho vay các tài sản tài chính	2.923.256.842	2.821.256.842
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	4.500.000.000	-
Cộng	7.423.256.842	2.821.256.842

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.821.256.842	3.080.005.413
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong năm	4.602.000.000	(258.748.571)
Số dư cuối năm	7.423.256.842	2.821.256.842

3f. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty này.

1. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	33.979.589.998	33.156.089.474
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí ⁽ⁱ⁾	25.998.090.998	25.174.590.474
Các khoản phải thu khác	7.981.499.000	7.981.499.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	25.343.122.149	7.737.521.094
Phải thu lãi giao dịch ký quỹ	11.586.537.092	6.769.418.353
Dự thu lãi tiền gửi	12.404.657.534	968.102.741
Dự thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	1.351.927.523	-
Trả trước cho người bán	787.900.000	86.806.330
Công ty Cổ phần Công nghệ cao ALTISSS	552.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	235.400.000	86.806.330
Phải thu dịch vụ do CTCK cung cấp	1.143.111.722	1.728.525.201
Phải thu hoa hồng môi giới chứng khoán	139.620.297	36.046.290
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	537.891.425	536.228.511
Phải thu hoạt động tư vấn	465.600.000	1.156.250.400
Các khoản phải thu khác	19.140.452.472	19.431.628.125
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh - là bên liên quan ⁽ⁱⁱ⁾	18.700.000.000	18.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	440.452.472	731.628.125
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.427.940.984)	(8.072.641.408)
Cộng	71.966.235.357	54.067.928.816

⁽ⁱ⁾ Khoản phải thu theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty ngày 30 tháng 12 năm 2008 và Phụ lục số 01 ngày 25 tháng 4 năm 2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty vào Dự án Tòa nhà Sailing Tower tại số 51 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh do Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (CCI) là chủ đầu tư. Theo đó, Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD) đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty vào Dự án trên. Khi đó, PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của Công ty theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 16 tháng 9 năm 2006 giữa Công ty và CCI. Đến thời điểm hiện tại, PVD còn phải thanh toán cho Công ty số tiền 996.974 USD, tương đương 25.998.090.998 VND (tương đương 20% giá trị của hợp đồng), đồng thời Công ty cũng còn phải trả cho CCI số tiền 16.418.319.982 VND (xem thuyết minh số VI.14). Các bên cam kết sau khi tòa nhà Sailing

Tower được hoàn công và CCI hoàn tất thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4, tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì Công ty sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 VND cho CCI, đồng thời PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho Công ty.

Theo Biên bản làm việc ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CCI để yêu cầu CCI tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CCI chưa thực hiện được cam kết như thỏa thuận. Vì vậy, PVD vẫn tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu diện tích Tòa nhà tương ứng theo quy định.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, CCI đã có Công văn số 414/TCT-ĐT về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower năm 2006 giữa CCI và Công ty. Theo Công văn nêu trên, CCI sẽ ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng đến hết năm đối với 2 đơn vị thuộc PVD đối với phần diện tích đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau khi Công ty hoàn tất thanh toán công nợ với CCI, theo đó, PVD sẽ được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp... đối với phần diện tích nêu trên mà không lệ thuộc vào việc cấp giấy chứng nhận. Công ty và PVD đã có Văn bản số 72/2021/VIS ngày 19 tháng 3 năm 2021 gửi CCI yêu cầu CCI xác minh lại số dư công nợ và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan theo đúng cam kết và trách nhiệm của các bên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, CCI có Công văn số 958/TCT-ĐT về việc xem xét thanh toán số tiền trên và thống nhất trong việc xác định khoản phí phải trả. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty vẫn đang làm việc với PVD và CCI để giải quyết vấn đề trên.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản tiền còn lại phải thu hồi của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh (Indeco) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01 tháng 11 năm 2016 và các phụ lục hợp đồng về việc đầu tư Dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư vào dự án này tương ứng với số tiền là 50.700.000.000 VND, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của Dự án để làm trụ sở mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của Dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công (đến năm 2021) và đã được các bên ký thỏa thuận gia hạn đến tháng 11 năm 2024.

Tuy nhiên, do vướng mắc khách quan trong triển khai các thủ tục pháp lý nên Indeco chưa đủ điều kiện chuyển nhượng 13,45% diện tích của Dự án, do đó ngày 27 tháng 11 năm 2023 hai bên đã có Biên bản làm việc số 012023/BBTL/HĐHTĐT thống nhất chấm dứt thực hiện Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01 tháng 11 năm 2016. Indeco có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền 50.700.000.000 VND mà Công ty đã chuyển cho Indeco trước 27 tháng 4 năm 2024. Cho đến thời điểm hiện tại, Indeco mới chỉ thanh toán 32.000.000.000 VND, số còn lại Indeco xin gia hạn thời gian thanh toán vào quý 1 năm 2026 theo Công văn số 735/1225/CV-IDC ngày 18 tháng 12 năm 2025.

Biến động dự phòng suy giảm các khoản phải thu trong năm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.072.641.408	5.678.596.079
Trích lập dự phòng trong năm	355.299.576	2.394.045.329
Số cuối năm	8.427.940.984	8.072.641.408

1. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí về hệ thống, phần mềm	905.176.155	444.350.825
Thuê văn phòng	2.224.746.449	84.395.785
Viễn thông, cước đường truyền	7.156.667	30.300.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	417.064.534	134.631.054
Cộng	3.554.143.805	693.677.664

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ, vật dụng văn phòng	3.424.316.728	544.231.052
Sửa chữa, cải tạo văn phòng	3.284.036.010	-
Viễn thông, cước đường truyền, bảo trì	110.204.083	206.837.833
Chi phí trả trước dài hạn khác	157.016.332	-
Cộng	6.975.573.153	751.068.885

2. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	-	16.306.126.713	-	16.306.126.713
Mua trong năm	-	10.753.301.760	1.134.740.000	11.888.041.760
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	813.040.322	380.160.262	-	1.193.200.584
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.024.646.669)	-	(10.024.646.669)
Số cuối năm	813.040.322	17.414.942.066	1.134.740.000	19.362.722.388
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	444.408.909	-	444.408.909
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	13.216.714.708	-	13.216.714.708
Khấu hao trong năm	93.951.333	1.468.987.238	96.185.772	1.659.124.343
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.024.646.669)	-	(10.024.646.669)
Số cuối năm	93.951.333	4.661.055.277	96.185.772	4.851.192.382
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	3.089.412.005	-	3.089.412.005
Số cuối năm	719.088.989	12.753.886.789	1.038.554.228	14.511.530.006
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



1. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số đầu năm	15.299.714.990
Mua sắm mới	1.800.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(9.927.604.255)
Số cuối năm	7.172.110.735
Trong đó:	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.109.510.735
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	14.070.945.806
Khấu hao trong năm	545.511.936
Thanh lý, nhượng bán	(9.924.023.582)
Số cuối năm	4.692.434.160
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.228.769.184
Số cuối năm	2.479.676.575

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mua sắm phần mềm.

3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc thuê văn phòng	133.020.550	600.882.319
Ký quỹ khác	95.000.000	81.363.900
Cộng	228.020.550	682.246.219

4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Theo Quyết định hiện hành số 40/QĐ-HĐTV ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) về Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, trái phiếu doanh nghiệp (ngoại trừ trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ) giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán được thanh toán của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	8.910.969.949	8.324.388.939
Tiền lãi phân bổ hàng năm	1.963.881.752	1.380.267.645
Tổng cộng	10.994.851.701	9.824.656.584

5. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phân bổ chi phí cải tạo văn phòng.

6. Vay ngắn hạn

Chi tiết phát sinh các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Phương Đông	5.000.000.000	2.627.000.000.000	(2.334.000.000.000)	298.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	690.600.000.000	(512.000.000.000)	178.600.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	550.000.000.000	(550.000.000.000)	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Thịnh Vương và Phát Triển – vay tín chấp	-	148.700.000.000	-	148.700.000.000
Cộng	5.000.000.000	4.316.300.000.000	(3.396.000.000.000)	925.300.000.000

Các khoản vay ngân hàng với mục đích bổ sung vốn lưu động với kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân và được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cổ phần Công ty của các cổ đông (xem các thuyết minh số VI.3b và VI.18).



1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.069.532.000	-
Chi phí phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	974.642.462	113.051.180
Cộng	3.044.174.462	113.051.180

2. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Xây dựng Số 1 – CTCP ⁽ⁱ⁾	16.418.319.982	16.418.319.982
Các nhà cung cấp khác	-	8.500.519
Cộng	16.418.319.982	16.426.820.501

(i) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (CT1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích Tòa nhà Sailing Tower theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem thuyết minh số VI.4).

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	275.529.375	79.313.899
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	867.553.171	101.310.401
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	2.092.561.065	611.061.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.735.529.012	912.435.802
Cộng	6.971.172.623	1.704.121.272

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	138.842.028.109	16.873.552.662
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.428.182.727	4.900
- Các khoản điều chỉnh giảm	(85.679.782.464)	(1.167.456.554)
Thu nhập chịu thuế	57.590.428.372	15.706.101.008
Cổ tức được chia trong năm	(1.400.000)	(1.415.000)
Thu nhập tính thuế	57.589.028.372	15.704.686.008
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.517.805.674	3.140.937.202

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

4. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	741.414.247	-
Chi phí phải trả khác	2.245.452.950	356.293.747
Cộng	2.986.867.197	356.293.747



1. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Phạm Thị Lan Hương – phải trả tiền bán tài sản	1.550.000.000	1.550.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk R'tích – tiền chi hộ cổ tức	902.903.102	69.248.052
Phải trả cổ tức của cổ đông	1.757.915.831	1.757.915.831
Các khoản phải trả, phải nộp khác	682.351.202	929.007.298
Cộng	4.893.170.135	4.306.171.181

2. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	120.000.000	30.000.000
Mệnh giá (VND/cổ phần)	10.000	10.000
Cộng	1.200.000.000.000	300.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có quyền nhận cổ tức theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Nghị quyết số 31/2025/NQ-OCBS-HĐQT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng quản trị đã thông qua kết quả chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 300.000.000.000 VND lên 1.200.000.000.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 2934/UBCK-QLKD thông báo đã nhận được tài liệu Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS, theo đó Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS đã phát hành 90.000.000 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ và cấp Giấy phép điều chỉnh số 44/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc thay đổi vốn điều lệ lên 1.200.000.000.000 VND.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 đã thông qua một số vấn đề, trong đó có phương án tăng vốn điều lệ từ 1.200.000.000.000 VND lên 3.200.000.000.000 VND bằng việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Ngày 13 tháng 01 năm 2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 315/UBCK-QLKD về việc nhận được hồ sơ chào bán cổ phiếu nêu trên. Hiện nay, Công ty đang triển khai các bước tiếp theo để hoàn thành đợt tăng vốn này.

Danh sách các cổ đông của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hương Việt Holdings (tên cũ: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hương Việt)	1.121.538.600.000	256.177.320.000
Các cổ đông khác	78.461.400.000	43.822.680.000
Cộng	1.200.000.000.000	300.000.000.000

Trong đó, 112.153.860 cổ phần của Công ty đã được cổ đông thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số VI.12).

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch được tự do chuyển nhượng	5.248.475.737.900	6.061.537.270.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	5.196.320.000	88.713.440.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.967.138.730.000	2.361.629.760.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	40.000	40.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	12.631.770.000	8.230.390.000
Cộng	9.233.442.597.900	8.520.110.900.000

2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	40.069.160.000	11.110.980.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.050.000.000	7.050.000.000
Cộng	47.119.160.000	18.160.980.000

3. Tiền gửi của khách hàng



	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	314.114.295.290	51.891.492.946
Của Nhà đầu tư trong nước	311.917.666.718	49.900.606.204
Của Nhà đầu tư nước ngoài	2.196.628.572	1.990.886.742
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	-	15.003.096.880
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	31.419.873.600	-
Của Nhà đầu tư trong nước	31.399.473.600	-
Của Nhà đầu tư nước ngoài	20.400.000	-
Cộng	345.534.168.890	66.894.589.826

1. Phải trả Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Của Nhà đầu tư trong nước	343.317.140.318	64.903.703.084
Của Nhà đầu tư nước ngoài	2.217.028.572	1.990.886.742
Cộng	345.534.168.890	66.894.589.826

1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm trước
Lãi bán					
Các cổ phiếu niêm yết	5.362.010	70.195.494.000	61.446.318.315	8.749.175.685	393.138.751
Trái phiếu Chính phủ	7.060.000	681.230.120.000	681.123.320.000	106.800.000	-
Trái phiếu doanh nghiệp	1.010.562	251.994.906.826	238.318.800.000	13.676.106.826	2.735.622
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	762
Cộng	13.432.572	1.003.420.520.826	980.888.438.315	22.532.082.511	395.875.135
Lỗ bán					
Cổ phiếu	510.053	5.375.527.900	5.582.183.176	(206.655.276)	(279.489.353)
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	(17)
Cộng	510.053	5.375.527.900	5.582.183.176	(206.655.276)	(279.489.370)

2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ sách	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm
Cổ phiếu niêm yết	189.420.000.000	270.270.000.000	80.850.000.000	429.996.934	80.420.003.066
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.621.243.904	4.621.243.904	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	153.366.100.000	157.802.866.250	4.436.766.250	-	4.436.766.250
Trái phiếu Chính phủ	130.499.600.000	130.429.680.000	(69.920.000)	-	(69.920.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	7.351.800.000	7.351.800.000	-	-	-
Cộng	485.258.743.904	570.475.590.154	85.216.846.250	429.996.934	84.786.849.316

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG



1. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	6.884.480.578	9.814.758.801
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh</i>	6.884.480.578	9.814.758.801
Từ tài sản tài chính HTM	15.909.066.572	3.102.999.527
<i>Lãi thực thu</i>	3.504.409.038	2.134.896.786
<i>Lãi trích trước</i>	12.404.657.534	968.102.741
Từ các khoản cho vay và phải thu	67.409.212.573	19.203.474.335
<i>Tiền lãi cho vay ký quỹ</i>	64.483.438.648	17.317.015.420
<i>Tiền lãi ứng trước tiền bán cho khách hàng</i>	2.925.773.925	1.886.458.915
Cộng	90.202.759.723	32.121.232.663

2. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới chứng khoán	43.490.778.195	17.417.528.484
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	69.985.565	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.668.364.176	2.230.922.053
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	29.601.318.182	3.601.090.909
Doanh thu khác	1.015.289.173	617.617.931
Cộng	76.845.735.291	23.867.159.377

3. Chi phí môi giới chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	5.643.796.601	2.638.110.532
Các khoản trích theo lương	2.588.475.406	727.212.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.172.412	-
Phí hoa hồng, môi giới	20.991.175.661	4.425.749.091
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	9.099.972.198	4.028.445.489
Chi phí khác	2.830.369.446	884.711.184
Cộng	41.162.961.724	12.704.229.169

4. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	38.193.729.260	8.869.846.255
Chi phí văn phòng phẩm	165.436.083	23.890.856
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.030.630.333	425.186.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.183.112.635	1.313.522.194
Thuế, phí và lệ phí	217.162.500	607.126.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.647.639.551	5.907.009.884
Các chi phí khác	943.069.542	457.376.635
Cộng	56.380.779.904	17.603.958.372

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xóa sổ các khoản phải trả treo nhiều năm trước	132.857.808	-
Thanh lý tài sản cố định	76.545.454	3.636.364
Thu nhập khác	2.095.089	647.995
Cộng	211.498.351	4.284.359

6. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	4.900
Xóa sổ các khoản phải thu treo nhiều năm trước	1.686.039.916	-
Chi phí khác	16.449.026	-
Cộng	1.702.488.942	4.900



1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	127.361.130.733	13.732.615.460
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	127.361.130.733	13.732.615.460
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	76.356.164	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.668	458

Ngày 27 tháng 11 năm 2025 đã thông qua một số vấn đề, trong đó có phương án tăng vốn điều lệ từ 1.200.000.000.000 VND lên 3.200.000.000.000 VND bằng việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (xem thuyết minh VI.18). Việc phát hành này không ảnh hưởng đến việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

I. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành**
Không có.
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận**
Không có.
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**
Không có.

II. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng cụ thể như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Ông Võ Quang Long	216.000.000	82.800.000
Ông Cao Quế Lâm	-	149.056.000
Ông Đào Duy Hải	162.000.000	50.400.000
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	27.000.000	75.600.000
Ông Dương Kỳ Hiệp	80.599.500	1.054.178.378
Ông Nguyễn Đức Quân Tùng	7.556.026.538	-
Ông Vũ Hoàng Minh	172.610.250	749.429.022
Ông Vĩnh Bảo Quốc	242.373.700	699.419.047
Bà Nguyễn Thị Triều	424.722.300	-
Bà Hoàng Thị Tuyết Hạnh	594.357.566	-
Ban kiểm soát		
Ông Đào Duy Hải	-	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Hòa	108.000.000	36.000.000
Ông Trần Bình Ổn	-	14.400.000
Ông Đinh Khánh Hòa	12.600.000	28.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	75.600.000	43.200.000
Ông Hoàng Công Minh	63.000.000	-



1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings (tên cũ: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Gateway Thủ Thiêm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Gateway Central	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sợi Thế kỷ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Quốc Lộ Phát	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nam Rạch Chiếc	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sagittarican	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hướng Việt Holdings		
Góp vốn	841.153.950.000	-
Nhận chuyển nhượng cổ phần OCBS	29.088.225.000	-
Phí lưu ký	66.539.416	64.265.538
Phí chuyển nhượng chứng khoán	-	10.200.000
Phí phong tỏa	55.000.000	5.454.546
Phí quản lý cổ đông	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh		
Phí lưu ký	60.461.838	79.054.825
Phí chuyển khoản	700.000	-
Phí chuyển nhượng chứng khoán	98.032.500	-
Công ty Cổ phần Gateway Thủ Thiêm		
Chi phí thuê văn phòng và các dịch vụ khác	3.863.482.489	-
Phí lưu ký	120.960	-
Phí chuyển nhượng chứng khoán	182.069.991	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.



Công nợ với các bên liên quan khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hương Việt Holdings		
Phải thu phí lưu ký	7.892.721	-
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh		
Phải thu khác	18.700.000.000	18.700.000.000
Phải thu phí lưu ký	4.571.694	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

1. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	7.847.391.524	7.847.391.524
Trên 1 năm đến 5 năm	6.815.271.747	14.662.663.271
Cộng	14.662.663.271	22.510.054.795

2. Thông tin về bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập Báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày Báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được điều chỉnh lại như sau:

- Trình bày và phân loại lại các khoản phải trả để nhất quán với năm nay;
- Trình bày và phân loại lại các lợi nhuận chưa phân phối để nhất quán với năm nay;
- Đánh giá lại các khoản tài sản tài chính tự do chuyển nhượng do sai mệnh giá;
- Trình bày và phân loại lại các khoản doanh thu để nhất quán với năm nay;

- Trình bày và phân loại lại các khoản chi phí do sai bản chất ở năm trước;
- Trình bày và phân loại lại các khoản chi trả phí lưu ký để nhất quán với năm nay trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Ảnh hưởng của việc trình bày lại này đến số liệu so sánh như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo tình hình tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	-	113.051.180	113.051.180
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	469.344.927	(113.051.180)	356.293.747
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1	98.185.991.655	(7.582.984.244)	90.603.007.411
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2	429.996.934	7.582.984.244	8.012.981.178
Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	8.519.824.700.000	286.200.000	8.520.110.900.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	6.061.251.070.000	286.200.000	6.061.537.270.000
Báo cáo kết quả hoạt động				
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	835.328.768	2.267.670.759	3.102.999.527
Cộng doanh thu hoạt động	20	54.547.080.726	2.267.670.759	56.814.751.485
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	279.229.385	6.145.741	285.375.126
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2	(259.985)	747.361	487.376
Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3	-	5.398.380	5.398.380
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay	24	2.136.044.119	(747.361)	2.135.296.758
Chi phí hoạt động tự doanh	26	8.872.462	1.034.840.638	1.043.713.100
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	2.056.422.557	3.322.765.612	5.379.188.169

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	3.560.834.590	(1.040.239.018)	2.520.595.572
Chi phí các dịch vụ khác	32	3.328.558.205	(3.322.765.612)	5.792.593
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	3.065.122.747	(2.267.670.759)	797.451.988
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50	4.232.579.301	(2.267.670.759)	1.964.908.542
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	91	16.442.808.367	(1.166.709.193)	15.276.099.174
Lợi nhuận chưa thực hiện	92	430.744.295	1.166.709.193	1.597.453.488

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(34.570.017.128.728)	1.902.443.473	(34.568.114.685.255)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	-	(1.902.443.473)	(1.902.443.473)

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại thời điểm phát hành báo cáo, cổ phiếu mã HAG trong danh mục “Các tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL) có giá trị trường bị suy giảm đáng kể so với giá trị hợp lý đã áp dụng thời điểm 31 tháng 12 năm 2025. Theo quy định hiện hành, chúng tôi sẽ ghi nhận khoản đánh giá này trong kỳ kế toán tiếp theo.

Ngoài sự kiện đã nêu tại thuyết minh số VI.18 và sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Phương Tuấn
Người lập

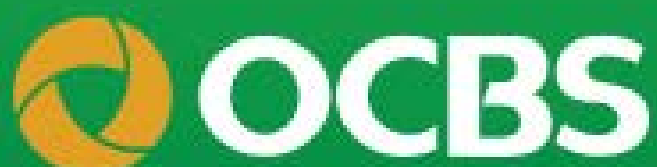
Võ Hồng Tuyết Nga
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2026
Người đại diện pháp luật:



Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng Giám đốc





Dẫn lối thịnh vượng bền vững

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS



(028) 7108 8848



ocbs.com.vn



Hồ Chí Minh: Tầng 26, Tòa nhà The Hallmark - 15 Trần Bạch Đằng, P. An Khánh, TP. Hồ Chí Minh

Hà Nội: Tầng 8, Tòa nhà The West - 265 Cầu Giấy, P. Cầu Giấy, TP. Hà Nội